

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Mã chứng khoán: HOM

Trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (02383) 866 170

Fax: (02383) 866 648

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2020 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty năm 2019;
- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự kiến các chỉ tiêu phấn đấu năm 2020;
- Thông qua thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019 và Kế hoạch chi trả năm 2020;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán;
- Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
- Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Thông qua việc miễn nhiệm ông Trần Việt Hồng thôi nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai theo nguyện vọng cá nhân;
- Chuẩn thuận kết quả bầu bổ sung bà Đậu Thị Nga, Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai là Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Địa chỉ Website đăng tải thông tin: <http://www.ximanghoangmai.vn>

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

(*) Tài liệu đính kèm:

- NQ số /NQ-ĐHĐCĐ;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ;
- Nội dung ĐHĐCĐ thông qua.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đậu Thị Nga

Số: 01 /2020/BB-ĐHĐCD

Nghệ An, ngày 17 tháng 06 năm 2020

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Mã CK: HOM

A. TÊN DOANH NGHIỆP: CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

- Tên viết tắt: HOMAC; Mã chứng khoán: HOM
- Trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
- Mã số doanh nghiệp: 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01/04/2008, thay đổi lần thứ 8 ngày 12/10/2017.

B. THỜI GIAN BẮT ĐẦU: 08 giờ 45 phút, ngày 17/06/2020.

C. ĐỊA ĐIỂM: Tại Hội trường lớn Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai - Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

D. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Thành phần tham dự Đại hội là các Cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai và Đại biểu khách mời:

- Ông Bùi Hồng Minh, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
- Đại diện lãnh đạo các Phòng, Ban của Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
- Ông Trịnh Xuân Hòa, đại diện Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty; Trưởng, Phó các tổ chức đoàn thể thuộc Công ty; Giám đốc/Phó Giám đốc các XN, Trưởng/Phó các đơn vị thuộc Công ty; Trưởng ca, Đội trưởng, Trạm trưởng, Tổ trưởng thuộc các đơn vị trong Công ty.

E. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI:

I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.

Ông Nguyễn Văn Tuấn – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, tại thời điểm khai mạc (08 giờ 45 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau:



- Đại hội có tổng số 51.701.879 cổ phần tham dự, tương ứng 74,68 % cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:

+ Tổng số cổ phần tham dự trực tiếp là: 51.544.208 cổ phần, tương ứng 74,45 % cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ phần tham dự thông qua ủy quyền là: 157.671 cổ phần, tương ứng 0,23 % cổ phần có quyền biểu quyết.

- Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai với tỷ lệ tham dự như trên là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

II. Khai mạc và nghi lễ tiến hành Đại hội:

- Đại hội tiến hành làm lễ chào cờ.

- Ông Nguyễn Kim Thanh, thay mặt Ban Tổ chức:

+ Tuyên bố lý do khai mạc Đại hội;

+ Giới thiệu Đại biểu và thành phần tham dự Đại hội;

+ Giới thiệu các thành viên Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội, gồm:

1) Ông Đinh Quang Dũng, Chủ tịch HĐQT Công ty – Chủ tọa;

2) Ông Nguyễn Quốc Việt, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;

3) Ông Lê Trung Kiên, Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty;

4) Ông Trần Đức Danh, Ủy viên HĐQT Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch với số cổ phần đồng ý là 51.701.879 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Ông Nguyễn Kim Thanh thay mặt Ban Tổ chức mời Đoàn Chủ tịch lên điều hành Đại hội.

- Tiếp theo Đoàn chủ tịch giới thiệu các thành viên Tổ Thư ký, gồm:

1) Ông Mai Văn Dũng, Trưởng phòng Tổ chức – Tổ trưởng;

2) Ông Mai Ngọc Hương, NV Văn phòng Công ty – Thành viên.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Tổ Thư ký với số cổ phần đồng ý là 51.701.879 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

III. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội, các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội, danh sách Ban kiểm phiếu của Đại hội.

Ông Đinh Quang Dũng thay mặt Đoàn Chủ tịch trình bày các nội dung:

- Chương trình nghị sự của Đại hội;

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung trên với số cổ phần đồng ý là 51.701.879 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội;

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung trên với số cổ phần đồng ý là 51.701.879 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Thông qua danh sách Ban bầu cử và Kiểm phiếu, gồm:

- 1) Ông Nguyễn Văn Tuấn, Trưởng Ban kiểm soát - Trưởng ban;
- 2) Ông Nguyễn Quốc Đạt, Phó trưởng phòng Kế hoạch - Thành viên;
- 3) Bà Thái Thị Thu Hương, NV. phòng Tổ chức - Thành viên;

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban bầu cử và Kiểm phiếu với số cổ phần đồng ý là 51.701.879 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

IV. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội

Ông Lê Trung Kiên thay mặt Đoàn Chủ tịch trình bày Quy chế làm việc của Đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với số cổ phần đồng ý là 51.701.879 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

V. Nội dung chính của Đại hội:

1. Đại hội nghe các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Đoàn Chủ tịch đã điều hành Đại hội, báo cáo trước Đại hội trình tự nội dung các Báo cáo và Tờ trình, cụ thể như sau:

1.1. Ông Đinh Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

1.2. Ông Nguyễn Quốc Việt – UV. HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2019 như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------|------------|---------------------------|----------------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | | |
| | - Clinker sản xuất | Tấn | 1.431.803 | |
| | - Xi măng (bao gồm cả gia công) | Tấn | 1.550.200 | |
| 2 | Tổng sản lượng tiêu thụ | Tấn | 1.905.148 | |
| | - Clinker tiêu thụ | Tấn | 366.686 | |
| | - Xi măng tiêu thụ | Tấn | 1.538.462 | |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.657,170 | |

| | | | | |
|---|----------------------------------|---------|--------|--|
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 24,637 | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 20,525 | |
| 6 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 32,397 | |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức (bằng cổ phiếu) | % | 4 | |

- Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu chính phần đầu như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Dự kiến chỉ tiêu phần đầu năm 2020 |
|-----|--|---------|------------------------------------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | |
| 1.1 | Clinker | Tấn | 1.420.000 |
| 1.2 | Xi măng (bao gồm gia công) | Tấn | 1.600.000 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | | |
| 2.1 | Clinker | Tấn | 260.000 |
| 2.2 | Xi măng | Tấn | 1.600.000 |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.646,759 |
| 4 | Lợi nhuận | | |
| 4.1 | Lợi nhuận trước thuế TNDN và CLTG cuối kỳ | Tỷ đồng | 26,040 |
| 4.2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 26,040 |
| 4.3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 20,832 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu | % | 2,2 |
| 6 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 0 |
| 7 | Quỹ tiền lương | Tỷ đồng | 123,018 |
| 8 | Sử dụng lao động trong năm | Người | 862 |
| 9 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 46,853 |

1.3. Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, được sự ủy quyền của Đoàn chủ tịch trình bày Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 (các Báo cáo, Tờ trình chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

1.4. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 (chi tiết Báo cáo, Tờ trình đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

1.5. Ông Lê Trung Kiên – UV. HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ

trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty năm 2020 (Tờ trình chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

1.6. Ông Nguyễn Quốc Việt – UV. HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Tờ trình chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

2. Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Ông Đinh Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Đơn xin thôi nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty của ông Trần Việt Hồng và Tờ trình xin bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT Công ty. Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng Công ty được Nhóm đại diện vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đề cử vào HĐQT Công ty (Tờ trình và Đơn xin thôi nhiệm vụ UV. HĐQT chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

- Đại hội biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm Ông Trần Việt Hồng thôi nhiệm vụ UV. HĐQT Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai theo nguyện vọng cá nhân với số cổ phần đồng ý là 51.817.331 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội;

- Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình xin bầu bổ sung 01 Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty với số cổ phần đồng ý là 51.817.331 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội;

2.2. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng ban Bầu cử và Kiểm phiếu thông qua Quy chế bầu cử và hướng dẫn bầu bổ sung thành viên HĐQT.

- Đại hội biểu quyết thông qua nội dung trên với số cổ phần đồng ý là 51.817.331 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

2.3. Ông Nguyễn Văn Tuấn trình bày Báo cáo danh sách đề cử ứng viên bầu bổ sung làm thành viên HĐQT

2.4. Đại hội tiến hành Bỏ phiếu Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT.

3. Thảo luận và giải trình các ý kiến của các Cổ đông

Ý kiến thảo luận của các Cổ đông:

Các Cổ đông tại Đại hội đã thảo luận, có ý kiến đề nghị Đoàn Chủ tịch giải trình về 03 nội dung:

1. Theo báo cáo của Công ty năm 2014, tiêu hao nhiệt trong sản xuất clinker của Công ty là >900 kCal/kg Clinker. Được biết hiện nay tiêu hao nhiệt trong sản xuất clinker của Công ty đã được cải thiện tốt hơn nhiều. Vậy, đề nghị Đoàn chủ tịch giải thích cho cổ đông rõ Công ty đã có cải tạo hay biện pháp cải tiến những gì để giảm tiêu hao nhiệt?

2. Trong dây chuyền sản xuất của Công ty có 1 số nút thắt công nghệ, như: hiệu suất lắng của tầng Cyclone số 1 thấp, hiệu suất thu hồi nhiệt tại hệ thống làm nguội clinker chưa cao ... Đề nghị Đoàn chủ tịch cho biết Công ty có thể đầu tư cải tạo đồng bộ các nút thắt công nghệ để tiếp tục giảm tiêu hao nhiệt, giảm giá thành sản xuất clinker, tăng hiệu quả cho Công ty?

3. Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện của Công ty khi nào được triển khai? nguồn than của TKV ngày càng khó khăn, Công ty có định hướng sử dụng than nhập ngoại để duy trì sản xuất? Công ty có chương trình thưởng động viên cho người lao động bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng không?

Giải trình của Đoàn Chủ tịch:

Ông Nguyễn Quốc Việt – Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty thay mặt Chủ tịch đoàn giải trình cho Cổ đông:

1. Trong những năm qua, Công ty đã dần cải thiện được tiêu hao nhiệt trong sản xuất clinker, trong đó Công ty đã sửa chữa, phục hồi lại cyclone C1; cải tạo ống lồng cyclone C5, C3 theo đúng kích thước yêu cầu của FCB; thay thế ống trút liệu đáy cyclone C4, C5 bằng vật liệu chống bám dính... Đặc biệt là trong những ngày vừa qua, tổ chuyên gia kỹ thuật của VICEM đã phối hợp hỗ trợ Công ty xử lý những vấn đề về nút thắt công nghệ, giảm tiêu hao than xuống xấp xỉ 820 kCal/kg Clinker.

2. Thời gian qua Công ty cũng đã mời một số hãng sản xuất xi măng lớn trên thế giới (trong đó có FLSmidth) đến nghiên cứu, khảo sát, báo cáo đánh giá tổng thể dây chuyền lò nung clinker và họ đều đưa ra khuyến cáo cần cải tạo, xử lý các nút thắt công nghệ để giảm tiêu hao than, tăng hiệu quả cho Công ty. Nhưng chi phí đầu tư để cải tạo là khá cao nên Công ty chưa thể thực hiện được.

3. - Về dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện: Đây là chủ trương lớn của Chính phủ và VICEM, vừa đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, vừa mang lại hiệu quả kinh tế. Công ty đã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án trình VICEM và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Dự kiến năm 2021 sẽ triển khai đầu tư và năm 2022 dự án sẽ đi vào hoạt động với công suất 7 MW/h.

- Về vấn đề nguồn nhập than: Trước đây Công ty thường nhập than từ TKV. Nhưng do nguồn than nội địa ngày một khan hiếm hơn, cộng thêm sự xuất hiện của các nguồn than nhập từ nước ngoài nên thị trường than đa dạng và có nhiều sự lựa chọn hơn cho Công ty. Thời gian gần đây, VICEM đã đồng ý cho Công ty chủ động tìm các nguồn than khác ngoài TKV nhưng phải đáp ứng yêu cầu vừa đảm bảo chất lượng, vừa đảm bảo hiệu quả. Đối với nguồn than của TKV, Công ty vẫn ưu tiên nhập than của TKV là chính do sự ổn định về nguồn hàng.

- Về vấn đề phát hành cổ phiếu thưởng ESOP cho người lao động, Công ty xin tiếp thu ý kiến, sẽ nghiên cứu phương án và xin ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội sau.

- Đại hội đã thống nhất cao các ý kiến giải trình của Đoàn Chủ tịch.

* Tiếp theo Đại hội đã được nghe ý kiến phát biểu của Ông Bùi Hồng Minh, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Xi măng Việt Nam phát biểu trước Đại hội.

4. Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình của Đại hội

Ngay sau phần thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết. Tất cả các vấn đề biểu quyết đều được lấy ý kiến công khai bằng thẻ biểu quyết (thẻ biểu quyết được phát cho cổ đông ngay khi cổ đông đến đăng ký, làm thủ tục tham dự Đại hội).

4.1. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty năm 2019.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

4.2. Biểu quyết thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Đại hội đã biểu quyết thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty và dự kiến các chỉ tiêu phân đầu năm 2020 của Công ty như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Dự kiến chỉ tiêu phân đầu năm 2020 |
|-----|--|---------|------------------------------------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | |
| 1.1 | Clinker | Tấn | 1.420.000 |
| 1.2 | Xi măng (bao gồm gia công) | Tấn | 1.600.000 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | | |
| 2.1 | Clinker | Tấn | 260.000 |
| 2.2 | Xi măng | Tấn | 1.600.000 |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.646,759 |
| 4 | Lợi nhuận | | |
| 4.1 | Lợi nhuận trước thuế TNDN và CLTG cuối kỳ | Tỷ đồng | 26,040 |
| 4.2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 26,040 |
| 4.3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 20,832 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu | % | 2,2 |
| 6 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 0 |
| 7 | Quỹ tiền lương | Tỷ đồng | 123,018 |
| 8 | Sử dụng lao động trong năm | Người | 862 |
| 9 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 46,853 |

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, giá nguyên vật liệu đầu vào và tình hình thị trường để có giải pháp điều hành phù hợp, đảm bảo phân đầu đạt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra với tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

4.3. Biểu quyết thông qua thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2019, kế hoạch chi trả năm 2020.

Thông qua thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019 và Kế hoạch chi trả 2020 theo nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị với 51.817.331 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Cụ thể kế hoạch chi trả năm 2020 như sau:

- Đối với Hội đồng quản trị, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký công ty (kiêm nhiệm):

| STT | Chức danh | Đơn vị tính | Mức chi trả năm 2020 |
|-----|--|------------------|----------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | Đồng/người/tháng | 8.000.000 |
| 2 | Ủy viên HĐQT | Đồng/người/tháng | 6.000.000 |
| 3 | Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty | Đồng/người/tháng | 4.000.000 |

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty, tương đương chức danh Trưởng đơn vị trong Công ty.

4.4. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

4.5. Biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

4.6. Biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

4.7. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

4.8. Biểu quyết thông qua Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

Chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

4.9. Biểu quyết thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Thông qua Báo cáo về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh với 51.817.331 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

- Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh thu gom, xử lý rác thải thông thường, rác thải và chất thải nguy hại vào ngành nghề kinh doanh của Công ty.

- Thống nhất Sửa đổi Điều lệ công ty liên quan đến nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh nói trên và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký, bổ sung ngành nghề kinh doanh với cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định.

(Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung trên kèm theo)

5. Kết quả bầu bổ sung Ủy viên Hội đồng quản trị

Đại hội đã bầu bổ sung Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai làm Ủy viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, với số phiếu bầu là 51.817.331 phiếu, chiếm tỷ lệ 74,85 % số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội. (Biên bản kiểm phiếu bầu bổ sung UV HĐQT kèm theo).

6. Thông qua Dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội

- Ông Mai Văn Dũng thay mặt Tổ Thư ký trình bày Dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch xin ý kiến biểu quyết thông qua nội dung Dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội thống nhất với số cổ phần biểu quyết tán thành là 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

VI. Bế mạc Đại hội

Ông Đinh Quang Dũng thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kết thúc vào hồi 12 giờ 20 phút, ngày 17/06/2020.

Biên bản Đại hội gồm 10 trang, đã được công khai cho toàn thể cổ đông dự họp và thống nhất ủy quyền lại cho Đoàn chủ tịch và Tổ Thư ký đại hội cùng ký tên.

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 12 giờ 20 phút cùng ngày/.

ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

Thành viên

Chủ Tọa



Nguyễn Quốc Việt

Đinh Quang Dũng

Thành viên

Thành viên



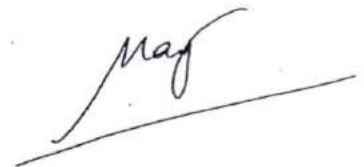
Trần Đức Danh

Lê Trung Kiên

TỔ THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Thành viên

Tổ trưởng



Mai Ngọc Hường

Mai Văn Dũng

Số: **02** /2020/NQ-ĐHĐCĐ

Nghệ An, ngày **17** tháng **6** năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, ngày 17/06/2020;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tiến hành từ 08 giờ 45 phút đến 12 giờ 20 phút, ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Đại hội có tổng số 51.701.879 cổ phần tham dự lúc khai mạc, tương ứng 74,68 % số cổ phần có quyền biểu quyết và đủ điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.

Sau thời gian gần 4 giờ làm việc khẩn trương, liên tục, với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đã tập trung nghe và thảo luận các nội dung trong các văn kiện chủ yếu của Đại hội và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty năm 2019.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự kiến các chỉ tiêu phấn đấu năm 2020, cụ thể như sau:

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Ghi chú |
|----|---------------------------------|-----|--------------------|---------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | | |
| | - Clinker sản xuất | Tấn | 1.431.803 | |
| | - Xi măng (bao gồm cả gia công) | Tấn | 1.550.200 | |



[Handwritten signature]

| | | | |
|---|----------------------------------|---------|-----------|
| 2 | Tổng sản lượng tiêu thụ | Tấn | 1.905.148 |
| | - Clinker tiêu thụ | Tấn | 366.686 |
| | - Xi măng tiêu thụ | Tấn | 1.538.462 |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.657,170 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 24,637 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 20,525 |
| 6 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 32,397 |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức (bằng cổ phiếu) | % | 4 |

2.2. Dự kiến một số chỉ tiêu phấn đấu năm 2020

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Dự kiến chỉ tiêu phấn đấu năm 2020 |
|-----|--|---------|------------------------------------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | |
| 1.1 | Clinker | Tấn | 1.420.000 |
| 1.2 | Xi măng (bao gồm gia công) | Tấn | 1.600.000 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | | |
| 2.1 | Clinker | Tấn | 260.000 |
| 2.2 | Xi măng | Tấn | 1.600.000 |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 1.646,759 |
| 4 | Lợi nhuận | | |
| 4.1 | Lợi nhuận trước thuế TNDN và CLTG cuối kỳ | Tỷ đồng | 26,040 |
| 4.2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 26,040 |
| 4.3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 20,832 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu | % | 2,2 |
| 6 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 0 |
| 7 | Quỹ tiền lương | Tỷ đồng | 123,018 |
| 8 | Sử dụng lao động trong năm | Người | 862 |
| 9 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 46,853 |

Điều 3. Thông qua thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2019 và Kế hoạch chi trả năm 2020 theo nội dung Trình của Hội đồng quản trị Công ty

Cụ thể kế hoạch chi trả năm 2020 như sau:

- Đối với Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký công ty (kiêm nhiệm):

| STT | Chức danh | Đơn vị tính | Mức chi trả năm 2020 |
|-----|--|------------------|----------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | Đồng/người/tháng | 8.000.000 |
| 2 | Ủy viên HĐQT | Đồng/người/tháng | 6.000.000 |
| 3 | Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty | Đồng/người/tháng | 4.000.000 |

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty, tương đương chức danh Trưởng đơn vị.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Điều 6. Thông qua Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.

Điều 7. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019.

Điều 8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 theo nội dung Tờ trình của Ban kiểm soát, Cụ thể:

Chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Điều 9. Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Điều 10.

- Thông qua việc miễn nhiệm Ông Trần Việt Hồng thôi nhiệm vụ UV: HĐQT Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai theo nguyện vọng cá nhân;

- Chuẩn thuận kết quả bầu bổ sung Bà Đậu Thị Nga, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai là ủy viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

S-C
CP
CBN
IAI
NGHỆ

Điều 11. Điều khoản thi hành.

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Các Ông (Bà) Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể cổ đông của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (để b/c);
- HĐQT, TGD VICEM (để b/c);
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- BTV Đảng ủy, Ban TGD, Công đoàn Cty;
- Các cổ đông (thông qua website Cty);
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu: VT, HĐQT, HSDH.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Đinh Quang Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Vào hồi ..8... h. 45' ngày 17 tháng 06 năm 2020, tại Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

1. Ông: Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng ban
2. Ông: Tạ Hồng Phương - Ủy viên
3. Ông: Nguyễn Văn Nhã - Ủy viên

Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tới dự Đại hội như sau:

- Tổng số cổ phần tham dự Đại hội 51.701.879.... cổ phần (tương ứng 74,68% cổ phần có quyền biểu quyết)

Trong đó: + Tham dự trực tiếp: 51.544.208.....cổ phần (tương ứng 74,45% cổ phần có quyền biểu quyết)

+ Thông qua ủy quyền: ..157.671.....cổ phần (tương ứng 0,23% cổ phần có quyền biểu quyết)

Tỷ lệ số cổ phần trực tiếp và thông qua ủy quyền tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết bằng 74,68... %. Theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết có mặt hoặc thông qua ủy quyền dự họp, Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin tuyên bố Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai là hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi ..8...h.45' ngày 17/06/2020 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

TM/ BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Tuấn



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
CÁC NỘI DUNG TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Hôm nay, ngày 17 tháng 06 năm 2020, vào lúc 12 giờ 05 phút, tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 được tổ chức tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Ban Kiểm phiếu và Bầu cử gồm:

| TT | Họ và tên | Đơn vị công tác, chức vụ | Nhiệm vụ |
|----|-----------------------|--------------------------|------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Tuấn | Trưởng Ban kiểm soát | Trưởng ban |
| 2 | Ông Nguyễn Quốc Đạt | Phó phòng Kế hoạch | Thành viên |
| 3 | Bà Thái Thị Thu Hương | Nhân viên phòng Tổ chức | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo và tờ trình trong chương trình nghị sự của kỳ họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết, tổng số cổ đông có mặt tham dự và ủy quyền là 104 cổ đông, đại diện và sở hữu 51.817.331 cổ phần và chiếm 74,85 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó:

1. Số cổ đông đại diện và tham dự trực tiếp là 92 cổ đông, đại diện cho 51.765.731 cổ phần, chiếm 74,78% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Số cổ đông ủy quyền là 12 cổ đông, đại diện cho 51.600 cổ phần, chiếm 0,07% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

*** Nội dung 1: Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty.**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 2: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty:**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 3: Thông qua báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020:**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 5: Thông qua báo cáo phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 6: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 7: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

*** Nội dung 8: Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

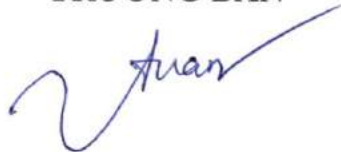
*** Nội dung 9: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh**

| | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|---------|
| + Số cổ phần biểu quyết đồng ý: | 51.817.331 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 74,85 % |
| + Số cổ phần biểu quyết không đồng ý: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |
| + Số cổ phần có ý kiến khác: | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: | 0 % |

Việc kiểm phiếu được kết thúc bằng việc lập Biên bản kiểm phiếu vào lúc 12 giờ 05 phút cùng ngày.

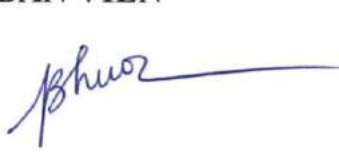
Biên bản này gồm 02 (hai) trang, được lập thành 02 (hai) bản và đã được tất cả các thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội./.

TRƯỞNG BAN



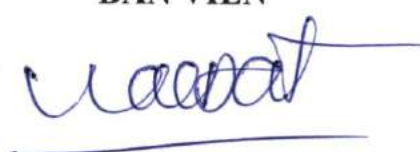
Nguyễn Văn Tuấn

BAN VIÊN



Thái Thị Thu Hương

BAN VIÊN



Nguyễn Quốc Đạt



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hôm nay, ngày 17 tháng 06 năm 2020, vào lúc 11 giờ 45 phút, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức tại Hội trường của Công ty, Ban Bầu cử và kiểm phiếu gồm:

- | | | |
|--------------------------|---------------------------|--------------|
| 1 Ông: Nguyễn Văn Tuấn | - Trưởng Ban kiểm soát | - Trưởng ban |
| 2 Ông: Nguyễn Quốc Đạt | - Phó phòng Kế hoạch | - Ban viên |
| 3 Bà: Thái Thị Thu Hương | - Nhân viên phòng Tổ chức | - Ban viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Tại thời điểm tiến hành bầu cử, tổng số cổ đông có mặt tham dự và ủy quyền là 104 cổ đông, đại diện và sở hữu 51.817.331 cổ phần và chiếm 74,850 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HDQT:

- | | | | | |
|--------------------------|-----|-------------------|------------|----------------|
| - Số phiếu phát ra: | 104 | phiếu, tương ứng: | 51.817.331 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu thu về: | 104 | phiếu, tương ứng: | 51.817.331 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu hợp lệ | 103 | phiếu, tương ứng: | 51.816.831 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu không hợp lệ: | 01 | phiếu, tương ứng: | 500 | CP biểu quyết. |

Kết quả bầu cử như sau:

- 1 Bà **Đậu Thị Nga**: nhận được 103 phiếu bầu tương đương 74,849 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, Quy chế bầu cử đã thông qua tại Đại hội và kết quả kiểm phiếu nêu trên, các Ông/Bà có tên sau đây đã trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023:

1. Bà **Đậu Thị Nga**

Việc kiểm phiếu được kết thúc bằng việc lập Biên bản kiểm phiếu vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày.

Biên bản này gồm 02 (hai) trang, được lập thành 02 (hai) bản, đã được tất cả thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban Bầu cử và Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội. Ban bầu cử và kiểm phiếu bàn giao lại toàn bộ thẻ bầu cử và biên bản cho Ban Thư ký Đại hội.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Tuấn

THÀNH VIÊN

Thái Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN

Nguyễn Quốc Đạt



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Tel: 0238.3866170; Fax: 0238.3866648

Nghệ An, ngày 02 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng và và hợp tác.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, Hội đồng quản trị công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã gửi thư mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 16/4/2020. Tuy nhiên, để thực hiện phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh COVID-19 theo đúng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã thực hiện các thủ tục xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định và gửi thư thông báo tới các Quý Cổ đông tạm dừng tổ chức Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 16 tháng 4 năm 2020.

Đến nay, dịch COVID- 19 đã được Việt Nam khống chế và việc tổ chức đại hội được cho phép, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức:

- Thời gian: 08 giờ 00 phút ngày 17/6/2020.
- Địa điểm: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

2. Nội dung chính của Đại hội:

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019; Báo cáo kết quả SXKD năm 2019.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Thông qua báo cáo trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019;
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
- Thông qua Báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2020;
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;
- Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh tại Điều lệ công ty;
- Một số nội dung liên quan khác.

3. Tài liệu đại hội: Quý cổ đông có thể nhận tại:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, hoặc:
- Truy cập và download từ website của Công ty: <http://www.ximanghoangmai.com.vn>



4. Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Thông báo mời họp;
- Giấy ủy quyền và Thông báo mời họp của người ủy quyền (trường hợp Quý cổ đông được ủy quyền tham dự Đại hội).

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông!



Hoàng Mai, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Đại Hội được tiến hành một cách trật tự, đúng quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ công ty và hoàn thành chương trình Đại hội đã được Quý cổ đông thông qua.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung như sau:

1. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1.1. Tất cả những người tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, gọn gàng.

1.2. Cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự đại hội, nên ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định; tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

1.3. Không hút thuốc lá trong Phòng họp đại hội.

1.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Phòng đại hội (tắt máy điện thoại hoặc để chế độ rung, không có chuông).

2. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

2.1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT in trên bì màu vàng. Trên mỗi THẺ BIỂU QUYẾT có ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền của cổ đông và có đóng dấu của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

2.2. Cách biểu quyết: Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội biểu quyết lần lượt từng phương án “đồng ý”, “không đồng ý” và “ý kiến khác” nếu có. Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý hoặc ý kiến khác*) một vấn đề bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT. Khi biểu quyết, mặt trước của THẺ BIỂU QUYẾT được hướng về phía Đoàn chủ tịch.

2.3. Thông qua các vấn đề của đại hội: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp chấp thuận. Riêng quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản, hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

3.1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải xin phép và phát biểu khi Đoàn chủ tịch đồng ý.

3.2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

4.1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

4.2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

4.3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong Đại hội.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

5.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội.

5.2. Soạn thảo Biên bản họp đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

6. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

6.1. Tiến hành kiểm phiếu ngay tại Đại hội, lập Biên bản kiểm phiếu Báo cáo đại hội kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại đại hội;

6.2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết;

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**T/M BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đình Quang Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi là (tổ chức/cá nhân):

CMND/GPĐKKD số: ngày cấp..... Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu:cổ phần
(Bằng chữ:))

ỦY QUYỀN CHO

Ông (bà):

CMND số: ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần được ủy quyền:.....
(Bằng chữ:.....)

Được thay mặt tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

....., ngày tháng năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký & ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức;
- Quý cổ đông có thể ủy quyền tham dự đại hội để thực hiện mọi quyền lợi của Quý cổ đông tới:
 - Ông Đinh Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
 - Ông Nguyễn Quốc Việt- U.V HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.



TCTY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Số: 01 /XMHM-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

- Căn cứ Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là Công ty);

- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2019,

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các công tác đã thực hiện năm 2019

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty;

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2019, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2019;

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đối với HĐQT và Ban Điều hành;

- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;

- Năm 2019, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

- Ban kiểm soát đã ban hành lại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ thay thế cho Quy chế cũ ban hành tại Quyết định số 12/QĐ-XMHH ngày 26/12/2008.

2. Kế hoạch định hướng năm 2020

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2020 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, tình hình thực hiện các các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;

- Tham gia cùng các phòng ban chức năng rà soát để ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung các quy chế, quy định nội bộ theo kiến nghị của Vicem cũng như kiến nghị của các đoàn thanh tra nhà nước...

- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra các ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Nghị quyết 04/NQ-XMHH-HĐQT ngày 18/01/2019 Thống nhất thông qua Quy chế thi đua khen thưởng (sửa đổi) của Công ty;

- Nghị quyết 12/NQ-XMHH-HĐQT ngày 15/03/2019 thống nhất điều động và bổ nhiệm các chức danh Trưởng Ban đầu tư xây dựng, Quản đốc Xưởng Sửa chữa và Quản đốc Xưởng Nguyên liệu;

- Nghị quyết 13/NQ-XMHH-HĐQT ngày 15/03/2019 Thống nhất phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty; Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính; Thống nhất chủ trương thành lập Xí nghiệp Khai thác mỏ và Xí nghiệp Dịch vụ công nghiệp; Thống nhất thời gian tổ chức và thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Nghị quyết 15/NQ-XMHH-HĐQT ngày 25/03/2019 Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng Dự

án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hải với Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo quy định và Hợp đồng chỉ có giá trị thực hiện khi các cơ quan có thẩm quyền thống nhất cho chuyển nhượng Dự án;

- Nghị quyết 26/NQ-XMHM-HĐQT ngày 12/07/2019 Thống nhất sửa đổi CCTC bộ máy của Công ty: Thành lập Ban Đầu tư xây dựng, Xí nghiệp Khai thác Mỏ, Xí nghiệp Dịch vụ Công nghiệp và đổi tên một số đơn vị trong Công ty;

- Nghị quyết 27/NQ-XMHM-HĐQT ngày 12/07/2019 Thống nhất thông qua Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 34/NQ-XMHM-HĐQT ngày 25/07/2019 thống nhất bổ nhiệm ông Lê Trung Kiên- Trưởng Ban Đầu tư xây dựng và ông Lê Quý Thạch- Trưởng phòng Hành chính quản trị giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 51/NQ-XMHM-HĐQT ngày 04/10/2019 Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 53/NQ-XMHM-HĐQT ngày 10/10/2019 Thống nhất thông qua định hướng kế hoạch SXKD năm 2020 và giao Tổng giám đốc ký báo cáo kế hoạch SXKD năm 2020 gửi Tổng công ty để thoả thuận;

- Nghị quyết 56/NQ-XMHM-HĐQT ngày 23/10/2019 Thống nhất quyết định gia hạn thời gian phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 đến khi có ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Nghị quyết 62/NQ-XMHM-HĐQT ngày 19/11/2019 thống nhất bổ nhiệm lại ông Đặng Ngọc Long giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty và bà Đậu Thị Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Nghị quyết 71/NQ-XMHM-HĐQT ngày 29/11/2019 Thống nhất ông Trần Việt Hồng và ông Lê Quý Thạch thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai để nhận công tác mới theo Quyết định điều động cán bộ của VICEM;

- Nghị quyết 79/NQ-XMHM-HĐQT ngày 29/11/2019 Thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Nghị quyết 81/NQ-XMHM-HĐQT ngày 31/12/2019 Thống nhất tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai – Xí nghiệp Bê tông và Xây dựng;

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chi đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019;

- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2019, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty cố gắng thực hiện kế hoạch được giao:

+ Sản lượng clinker sản xuất năm 2019 đạt 1.431.803 tấn, vượt 2,27% kế hoạch và tăng 2,26 % so với cùng kỳ, là sản lượng sản xuất cao nhất trong các năm từ trước đến nay.

+ Tình hình thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cung vượt cầu- cạnh tranh khốc liệt. Mặc dù, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, gia tăng sản lượng, tuy nhiên tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 1.905.148 tấn, bằng 94,31% kế hoạch và bằng 95,25% so với năm 2018.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 24,6 tỷ đồng bằng 65% so với kế hoạch và tăng 06% so với thực hiện năm 2018 (Lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 23,2 tỷ đồng).

- Về công tác đầu tư xây dựng: Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2019 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, một trong những nguyên nhân chính là do việc thực hiện các dự án phụ thuộc nhiều đến quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với khoản phải thu đã thực hiện thu hồi bảo lãnh công nợ tại ngày 31/12/2019 đạt 90% trong đó công nợ xi măng GTNT còn lại 24,6 tỷ, giảm 10,4 tỷ so với đầu kỳ.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Trong năm 2019, Công ty đã và đang hoàn thiện Đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019- 2025; đã thực hiện tổ chức lại sản xuất theo chủ trương chung của Tổng công ty, đã tiến hành rà soát lại lao động để giảm số lao động dư thừa đồng thời có chương trình hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 858 người, giảm 09 người so với thời điểm 01/01/2019. Quỹ tiền lương người lao động năm 2019 là 114.711 triệu đồng, mức tiền lương bình quân của người lao động là 11.056.000 đồng/người/tháng, tăng 6,8% so với năm 2018 (tiền lương bình quân năm 2018 là 10.349.000 đồng/người/tháng).

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết;

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2019 như sau:

| Nội dung | Đvt | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 (Theo NQ ĐHĐCĐ 2019) | Thực hiện 2019 | TH 2019/ KH 2019 | TH2019/ TH 2018 |
|-------------------------|-------|----------------|------------------------------------|----------------|------------------|-----------------|
| 1. Sản lượng sản xuất | | | | | | |
| + Clinker | Tấn | 1.400.097 | 1.400.000 | 1.431.803 | 102% | 102% |
| + Xi măng gồm gia công | Tấn | 1.884.328 | 1.980.000 | 1.550.200 | 78% | 82% |
| 2. Sản lượng tiêu thụ | Tấn | 2.000.955 | 2.020.000 | 1.905.148 | 94% | 95% |
| + Clinker | Tấn | 135.484 | 40.000 | 366.686 | 917% | 271% |
| + Xi măng | Tấn | 1.865.471 | 1.980.000 | 1.538.463 | 78% | 82% |
| 3. Doanh thu thuần | Tỷ.đ | 1.734,4 | 1.877,0 | 1.652,7 | 88% | 95% |
| 4. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ.đ | 23,2 | 38,0 | 24,6 | 65% | 106% |
| 5. Mức cổ tức dự kiến | %/năm | 0% | 3% | 4% | 133% | - |

Ngoài chỉ tiêu clinker sản xuất còn lại các chỉ tiêu khác đều không đạt so với kế hoạch giao trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, trong đó: sản lượng sản xuất clinket đạt 1,43 triệu tấn vượt 2%, tổng sản lượng tiêu thụ đạt trên 1,9 triệu tấn bằng 78%, doanh thu thuần bằng 94% và lợi nhuận trước thuế đạt 65% so với kế hoạch giao.

3. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019

3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

| Chỉ tiêu | Đvt | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------------------|-----|----------|----------|
| 1. Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 64,85 | 63,51 |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 35,15 | 36,49 |
| 2. Cơ cấu vốn | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 37,70 | 44,07 |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 62,30 | 55,93 |
| 3. Khả năng thanh toán | | | |
| - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,50 | 0,51 |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 1,01 | 0,87 |
| 4. Tỷ suất sinh lời | | | |
| - Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần | % | 1,49 | 1,34 |
| - Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu | % | 2,58 | 2,47 |

Đánh giá chung:

- Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty có thay đổi so với năm 2018, cụ thể Nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm 6,37%.

- Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành trong năm 2019 tăng so với năm 2018 cho thấy khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty tốt hơn so với 2018, Công ty cần có biện pháp tích cực hơn để giảm thiểu lượng hàng tồn kho, giảm vay vốn ngắn hạn và quản lý tốt dòng tiền.

3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/nợ phải trả ngắn hạn là 1,01 lần, Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn;

- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 60,5%. Tỷ lệ này cho thấy nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, và Công ty đang có đủ vốn tự có để hoạt động;

- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2019 là 146 tỷ đồng, bằng 8,8% doanh thu 2019 của Công ty, tỷ lệ này giảm so với thời điểm 31/12/2018 là 168 tỷ đồng bằng 9,7% doanh thu năm 2018, cho thấy dòng vốn lưu động tốt hơn năm trước do Công ty đã chủ động làm tốt công tác thu hồi công nợ tiền hàng, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2019

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thì Đại hội thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 2% và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1%. Tuy nhiên Công ty đã dừng thực hiện việc tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tại Nghị quyết số 79/NQ-XMHM-HĐQT ngày 31/12/2019.

2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Công ty đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

3. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Công ty đã nỗ lực để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 tuy nhiên kết quả đạt được thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, rà soát và xây dựng lại định mức để tiết giảm chi phí đảm bảo nâng cao hiệu quả và thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản trị nợ phải thu khách hàng, giảm vốn bị chiếm dụng, không để phát sinh thêm nợ khó đòi, đối với các khoản nợ khó đòi hiện tại tiếp tục đánh giá, rà soát lại để có phương án thu hồi.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành lại một số Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính pháp lý trong quản lý.

- Đánh giá hiệu quả các sản phẩm chủ lực trên cơ sở phân bổ chi phí hợp lý, từ đó tập trung phát triển cho các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, tỷ lệ đóng góp doanh thu và lợi nhuận lớn. Tiếp tục giữ vững thị trường cốt lõi Nghệ An, mở rộng và phát triển thị trường mục tiêu Miền Trung, đảm bảo nguồn hàng ổn định, xây dựng hệ thống logistic và nhà phân phối vững mạnh, tạo thuận lợi khi dây chuyền 2 đi vào hoạt động.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, có phương án mua sắm hàng hóa, vật tư phụ tùng tối ưu, giảm tỷ lệ hàng tồn kho chậm luân chuyển...

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: BKS.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /TTr-BKS

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP xi măng VICEM Hoàng Mai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2020, Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt,

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Tuấn

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019; Kế hoạch chi trả năm 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán chi trả lương, thù lao năm 2019 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2020 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 02/2019/NQ – ĐHĐCD ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 08 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 06 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/người/tháng

Tổng mức thù lao đã chi trả trong năm 2019 là: 576.000.000 đồng.

Đối với Trưởng Ban Kiểm soát Công ty làm việc chuyên trách, Công ty không thực hiện chi trả thù lao mà hưởng lương người quản lý chuyên trách.

2. Kế hoạch thù lao năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty đề nghị chi trả mức lương, thù lao cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty tương tự như mức thù lao đã thực hiện năm 2019, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 08 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT : 06 triệu đồng/người/tháng
- Các thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/người/tháng

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty tương đương chức danh Trưởng đơn vị, ngạch lương 7 - Hệ thống thang bảng lương ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-XMHM-HĐQT ngày 14/08/2014 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đinh Quang Dũng

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 với những nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2019

1. Thuận lợi:

- Năm 2019 là năm Việt Nam đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đạt tương đối đồng bộ các mục tiêu tổng quát đã được Quốc hội đề ra; là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. GDP đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4% vào mức tăng chung. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá; dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh.

- Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2019 đạt 2.047 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2018 và bằng 33,9% GDP.

- Thị trường xi măng nội địa tiếp tục tăng trưởng, tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ năm 2019 khoảng 98 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2018. Trong đó, xi măng tiêu thụ nội địa khoảng 67 triệu tấn, tăng 1%, xuất khẩu sản phẩm xi măng và clinker khoảng 31 - 32 triệu tấn, tương đương năm trước, giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỉ USD.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền.

2. Khó khăn:

- Giá nguyên, nhiên vật liệu năm 2019 có xu hướng tăng, đặc biệt chi phí năng lượng tăng gây ra khó khăn cho ngành xi măng, cụ thể: Giá điện tăng thêm 8,36% kể từ ngày 20/3/2019, theo đó giá điện bình quân đã tăng từ 1.720 đồng lên 1.850 đồng/KWh (chưa gồm VAT). Giá điện tăng tác động mạnh đến chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của clinker và xi măng.

- Bộ Công thương và Thương mại Philippines (DTI) áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm tới với xi măng nhập khẩu từ Việt Nam. Biện pháp này đã có hiệu lực từ ngày 18/9/2019. Điều này sẽ làm ảnh hưởng giảm sản lượng và giảm hiệu quả khi xuất khẩu xi măng sang Philippines.

- Thị trường xi măng trong nước vẫn trong tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Nguồn cung tại miền Trung gia tăng khi

dây chuyền 3 xi măng Thành Thắng (Hà Nam) và xi măng Nam Đông (Thừa Thiên Huế) ra mắt sản phẩm mới trên thị trường. Các Nhà máy có công suất lớn như: Thành Thắng, Xuân Thành, Long Sơn, Hạ Long, SCG đã và đang đầu tư kho vận, trạm phân phối để mở rộng thị trường Miền Trung - Tây nguyên.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2018 | Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019 | Thực hiện 2019 | % TH 2019/ KH 2019 | % TH 2019/ TH 2018 |
|----------|----------------------------|------------|--------------------|--------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
| A | SẢN XUẤT | | | | | | |
| 1 | Clinker | Tấn | 1.400.096 | 1.400.000 | 1.431.803 | 102% | 102% |
| 2 | Xi măng (bao gồm gia công) | Tấn | 1.884.328 | 1.980.000 | 1.550.200 | 78% | 82% |
| B | TIÊU THỤ | | | | | | |
| 1 | Tổng SLTT | Tấn | 2.000.955 | 2.020.000 | 1.905.148 | 94% | 95% |
| | <i>Clinker</i> | Tấn | 135.484 | 40.000 | 366.686 | 917% | 271% |
| | <i>Xi măng</i> | Tấn | 1.865.471 | 1.980.000 | 1.538.463 | 78% | 82% |
| C | CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | | | | |
| 1 | Doanh thu thuần | Triệu đồng | 1.734.376 | 1.877.783 | 1.652.709 | 88% | 95% |
| 2 | Lợi nhuận Trước thuế TNDN | Triệu đồng | 23.192 | 38.009 | 24.637 | 65% | 106% |

2. Đánh giá chung các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1. Đánh giá công tác sản xuất clinker - xi măng

Sản lượng Clinker thực hiện năm 2019 là 1.431.803 tấn, bằng 102% sản lượng thực hiện năm 2018 và tăng 02% so với nghị quyết ĐHCĐ năm 2019. Đối với sản lượng xi măng sản xuất trong năm 2019 đạt 1.884.328 tấn bằng 82% so với năm 2018 và giảm 22% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019. Với những kết quả trên, Công ty đánh giá những mặt đã làm được và chưa làm được cụ thể như sau:

2.1.1. Những nội dung đã làm được:

Trong năm 2019, đối với công tác sản xuất, Công ty đã thực hiện tốt những nội dung chính, cơ bản như sau:

+ Duy trì lò nung hoạt động dài ngày, năng suất cao (thời gian chạy lò đạt 336 ngày với năng suất bình quân đạt 4251 tấn/ ngày, tăng 3% so với năm 2018 (năm 2018 năng suất bình quân đạt 4.126 tấn/ngày).

+ Chất lượng clinker, xi măng sản xuất đạt yêu cầu (hoạt tính clinker >55 N/mm², 100% sản lượng xi măng xuất xưởng đạt chất lượng).

+ Công ty đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất hàng ngày, xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn sát thực tế, tổ chức chỉ đạo, giám sát công tác sửa chữa đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

+ Trong đợt sửa chữa tháng 5/2019, Công ty đã thực hiện được nhiều nội dung quan trọng như: sửa chữa, phục hồi lại cyclone C1 đúng như kích thước nguyên bản của LVT đã cải tạo năm 2016; cải tạo ống lồng cyclone C5,C3 theo đúng kích thước yêu cầu của FCB; thay thế làm mới ống trút liệu đáy cyclone C4,C5 bằng vật liệu chống bám dính.

+ Công ty đã hoàn thiện báo cáo phương án sửa chữa và xử lý nút thắt công nghệ chuẩn bị triển khai thực hiện trong năm 2020 nhằm nâng cao năng suất, cải thiện hiệu suất lò nung.

+ Đầu tư lắp đặt 2 trạm cân điện tử tại Mỏ đá vôi Hoàng Mai B và Mỏ đá sét Quỳnh Vinh, việc xác định sản lượng đá vôi và đá sét đã được thực hiện qua hệ thống cân.

+ Hoàn thành xong việc gia công lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống tiếp nhận xỉ lò cao, nhà kho chứa xỉ.

+ Hệ thống quan trắc khí thải online đã được triển khai thực hiện lắp đặt, chạy thử và hoàn thiện và đã được kết nối tới Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nghệ An, các chỉ số quan trắc tự động về môi trường luôn được kiểm soát và đạt yêu cầu.

+ Hoàn thiện cải tạo, chuyển đổi hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền xi măng, chuyển sang hệ thống lọc bụi túi; sau khi cải tạo, chuyển đổi, bụi phát thải tại công đoạn nghiền xi măng giảm từ 80 mg/m³ khí xuống chỉ còn dưới 30 mg/m³ khí, đảm bảo các yêu cầu khắt khe về môi trường.

+ Hoàn thiện các hạng mục cho công tác phân loại, xử lý và đốt rác thải cho nhà máy. Năm 2019, thực hiện chủ trương đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản, Công ty đã triển khai thử nghiệm và đưa vào sản xuất xi măng có hiệu quả các loại tro, xỉ từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện và hiện nay công ty đang tiến hành chạy thử nghiệm bùn thải lấy từ Nhà máy gang thép để thay thế một phần đá sét trong sản xuất bột liệu.

2.2.2. Những khó khăn, tồn tại:

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất năm 2019 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2020 cụ thể như sau:

+ Chưa giải quyết triệt để được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền như: khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...

+ Năng suất của máy nghiền xi măng và máy đóng bao mặc dầu đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng và có những thời điểm chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu xuất hàng tiêu thụ.

+ Hàm lượng vật liệu sét cứng tại Mỏ sét Quỳnh Vinh chiếm trên 60% gây khó khăn trong việc khai thác và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng phối liệu.

+ Tiêu hao than cho sản xuất clinker thực hiện trong năm 2019 đã giảm so với những năm trước, tuy nhiên chưa đạt được mục tiêu, nguyên nhân chính là Công ty chưa giải quyết được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền sản xuất.

2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng – clinker năm 2019

2.2.1. Kết quả tiêu thụ clinker - xi măng

Năm 2019, tình hình thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cạnh tranh vượt cầu vượt cung. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ, gia tăng sản lượng, tuy nhiên tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 1.905.148 tấn, bằng 94% kế hoạch và bằng 95% so với năm 2018.

2.2.2. Đánh giá công tác tiêu thụ sản phẩm xi măng, clinker

❖ *Những việc đã làm được trong công tác tiêu thụ:*

- *Trong công tác tương tác giữa khối sản xuất – tiêu thụ:* đã có sự phối hợp tốt trong điều hành sản xuất, cân đối tồn kho nhằm gia tăng sản lượng clinker tiêu thụ theo từng thời điểm, thực hiện gia công đáp ứng nguồn hàng cho khách hàng tại địa bàn xa nhà máy.

- *Trong công tác quản lý địa bàn tiêu thụ:*

+ Vicem Hoàng Mai đã cơ bản tái cơ cấu thị trường, quy hoạch lại hệ thống cửa hàng VLXD tại các địa bàn tiêu thụ, đặc biệt tại địa bàn Nghệ An và Hà Tĩnh (là địa bàn có hệ thống cửa hàng VLXD lớn và có sự ảnh hưởng lớn bởi các cửa hàng VLXD kiêm nhà xe). Hệ thống nhà phân phối được phân chia địa bàn, hệ thống cửa hàng tương đối rõ ràng, làm cơ sở để kiểm soát tiêu thụ, chính sách bán hàng, từng bước tăng hiệu quả cho hệ thống.

+ Vicem Hoàng Mai thực hiện ổn định mặt bằng giá bán tại các địa bàn thông qua việc ban hành chính sách bán hàng và quy hoạch, cơ cấu lại hệ thống phân phối hiệu quả.

- *Trong công tác phát triển thị trường, thương hiệu và công tác khác:*

+ Khắc phục và phục hồi bất cập về hệ thống phân phối tại thị trường Vinh và các huyện phụ cận.

+ Giữ vững và gia tăng sản lượng tiêu thụ, thị phần tại các tỉnh có thị phần Vicem còn thấp như Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bình Thuận.

+ Gia tăng sản lượng XM bao và rời tại Hà Tĩnh, duy trì được giá bán và tăng thị phần; Gia tăng sản lượng xi măng bao tại Tỉnh Gia-Thanh Hóa, giữ vững thị phần tiêu thụ.

+ Xử lý kịp thời các khiếu nại về chất lượng sản phẩm, dịch vụ sau bán hàng.

+ Triển khai thành công chương trình đặt hàng online DMS, ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 và áp dụng chính sách bán hàng cho các cửa hàng tại Nghệ An, Hà Tĩnh.

+ Phối hợp cùng nhà phân phối thực hiện đăng ký nhãn hiệu PS Mark mới cho chủng loại xi măng C150 type 1 và C595 type 1P, mở rộng hệ thống tại Philippines (Vicem Hoàng Mai Max).

+ Sắp xếp, bố trí lại nhân viên thị trường tại địa bàn Nghệ An, bước đầu cơ cấu lại bộ máy XNTT.

+ Tham gia các chương trình an sinh xã hội, vì cộng đồng tại Nghệ An, Hà Tĩnh qua đó phát triển hình ảnh thương hiệu.

❖ *Một số yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ trong năm 2019:*

Những yếu tố khách quan:

+ *Nguồn cung tại chỗ ở các địa bàn chính* đang ở mức rất cao: hiện nay, nguồn cung tại chỗ tại các thị trường cốt lõi, mục tiêu của Vicem Hoàng Mai như Thanh Hóa, Nghệ An đang ở mức rất cao, các dây chuyền mới có công suất lớn, tổng cộng khoảng trên 20 triệu tấn. Việc này đã gây áp lực lên năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực PCB40, PCB30 tại Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh.

+ *Đối với xuất khẩu xi măng:* mặc dù năm 2019, Công ty đã làm việc với các Nhà phân phối (NPP) để triển khai kế hoạch tiêu thụ, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ xi măng xuất khẩu năm 2019 chỉ đạt 265.600 tấn, giảm gần 90.000 tấn so với kế hoạch, nguyên nhân do:

-Từ đầu năm 2019, Bộ Công nghiệp và thương mại Philippines (DTI) đã quyết định áp thuế phòng vệ tạm thời (khoảng 4 USD/tấn) để bảo vệ cũng như thúc đẩy ngành sản xuất trong nước. Đến tháng 9/2019, DTI chính thức áp thuế phòng vệ cho Vicem Hoàng Mai năm đầu tiên với mức 250 peso/tấn (112.500 đồng/tấn) khiến công tác tiêu thụ xi măng xuất khẩu ngày càng khó khăn.

-Tại Lào, hệ thống cửa hàng chuyển sang tiêu thụ xi măng được sản xuất tại chỗ do Trung Quốc đầu tư như: XM Na hìn (Bolikhāmxay), Văng Viêng, Khăm muộn (Xiengkhoảng) được chính quyền tạo điều kiện. Nhà phân phối xi măng Vicem Hoàng Mai đang khó khăn thu hồi công nợ với các khách hàng tại đây.

+ *Khó khăn tại thị trường Miền Trung - Tây nguyên:*

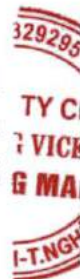
-Công tác logistic từ Nhà máy vào khu vực Miền Trung - Tây Nguyên đối mặt với nhiều thách thức, nguồn xe vận tải vào Miền Trung ít hơn nhiều so với các năm trước nên các NPP phải chuyển hướng vận tải bằng đường biển làm hao tổn nguồn lực, thời gian điều hành, dẫn đến hiệu quả chung thấp và khó chủ động do yếu tố thời tiết.

-Yếu tố thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện Kế hoạch tiêu thụ tại khu vực Miền Trung Tây nguyên. Đơn cử, trong 2 tháng cuối năm 2019, Công ty và các Nhà phân phối thống nhất mục tiêu là 56.000 tấn và có kế hoạch bố trí tàu, kho bãi. Thực tế nhu cầu của khách hàng tại Miền Trung cũng rất cần nhưng các tàu bị cấm biển do ảnh hưởng của trên 7 đợt gió mùa, bão số 5, 6. Vì vậy sản lượng tiêu thụ trong tháng 11, 12/2019 chỉ đạt 43.800 tấn, giảm 12.200 tấn so với Kế hoạch.

Những yếu tố nội tại:

+Tại địa bàn tại Nghệ An:

-Hầu hết các nhà phân phối, cửa hàng lớn tiêu thụ xi măng Vicem Hoàng Mai cũng đang là nhà phân phối hoặc đang tiêu thụ xi măng cạnh tranh nên nguồn lực phân tán.



- Vai trò ảnh hưởng của NPP tại một số địa bàn trọng yếu không nhiều (Nghị Lộc, Yên Thành, Hoàng Mai, Quỳnh Lưu).

- Sự phối hợp thị trường giữa các xi măng nằm ở phân khúc giá cao như Nghi Sơn, Bỉm Sơn và Hoàng Mai trong các đợt tăng giá, chính sách chiết khấu, khuyến mại chưa đồng nhất, gây biến động mặt bằng giá bán đến cửa hàng, đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của hệ thống tiêu thụ xi măng Vicem Hoàng Mai.

+ Tại Hà Tĩnh: Nhà phân phối chưa chủ động, khai thác hiệu quả hệ thống tổng kho tại các huyện để mở rộng mạng lưới cửa hàng tiêu thụ XM Vicem Hoàng Mai cho đến hết tháng 6/2019.

+ Tại Thanh Hóa: Công ty chỉ tham gia thị trường xi măng bao tại các huyện Tĩnh Gia, Nông Cống, Như Thanh, Như Xuân và tham gia cấp xi măng rời vào dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2. Bên cạnh đó, khả năng mở rộng thị trường của nhà phân phối còn ở mức thấp.

+ Tại miền Trung và miền Nam: chương trình marketing, phát triển thương hiệu còn hạn chế, đặc biệt tại các địa bàn mới. Quy mô về logistic chưa đủ mạnh, các giải pháp hỗ trợ logistic chưa đảm bảo chi phí phù hợp để gia tăng lợi nhuận cho nhà phân phối.

3/. Công tác đầu tư xây dựng.

Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2019 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, một trong những nguyên nhân chính là do việc thực hiện các dự án phụ thuộc nhiều đến quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với Dự án xi măng Hoàng Mai 2, Công ty đang triển khai hoàn thiện FS dự án xi măng Hoàng Mai 2 và hoàn thiện các thủ tục để được phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Đối với dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện: Công ty đã phối hợp với nhà thầu vấn CCID lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và trình cấp có thẩm quyền thỏa thuận và phê duyệt.

- Dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh: Công ty đã hoàn thành việc xin gia hạn Giấy phép khai thác Mỏ sét Quỳnh Vinh với thời hạn là 8 năm. Hiện đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu thi công thăm dò và nâng cấp trữ lượng, nhà thầu chuẩn bị tiến hành thi công thăm dò theo Đề án đã được Bộ tài nguyên Môi trường phê duyệt.

- Dự án xin cấp lại Giấy phép khai thác Mỏ đá vôi Hoàng Mai B: hiện công ty đang tiếp tục làm việc với Sở TNMT và UBND tỉnh Thanh Hóa để giải trình các vấn đề theo quy hoạch khoáng sản và xử lý các vấn đề chằng chéo về quy hoạch.

4/. Công tác tổ chức, lao động và các công tác khác

Trong năm 2019, Công ty đã và đang hoàn thiện Đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019- 2025; đã thực hiện tổ chức lại sản xuất theo chủ trương chung của Tổng công ty, đã tiến hành rà soát lại lao động để giảm số lao động dôi dư đồng thời có chương trình hỗ trợ đối với người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 855 người, giảm 13 người so với thời điểm 01/01/2019.

- Trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, sắp xếp lại lao động, công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương, quy chế đào tạo cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động. Trước mắt, từ ngày 01/01/2020, Công ty đã thực hiện phương án giao quỹ lương đến các đơn vị trong công ty.

- Năm 2019, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu VHVN, TDTT cho CBCNV lao động của Công ty;

- Năm 2019, Công ty thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác an toàn lao động trong sản xuất; đã tiến hành rà soát lại tất cả các quy trình, quy định về công tác an toàn. Tuy nhiên, trong năm 2019, Công ty đã để xảy ra một vụ tai nạn lao động nghiêm trọng đáng tiếc trong khu vực sản xuất.

- Trong năm 2019, công tác vệ sinh môi trường cũng được Công ty đặc biệt quan tâm; đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc online, thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định; xây dựng quy trình xử lý, phân loại rác thải để đốt thay thế nhiên liệu, ký hợp đồng thuê đơn vị chuyên môn về môi trường xử lý chất thải nguy hại cho Công ty.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

Căn cứ trên dự báo cung cầu xi măng, khả năng huy động thiết bị và các nguồn lực của Công ty, Hội đồng quản trị đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2020, cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2020 |
|-----|--|----------|-----------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | |
| 1.1 | Clinker | Tấn | 1.420.000 |
| 1.2 | Xi măng (bao gồm gia công) | Tấn | 1.600.000 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | Tấn | |
| 2.1 | Clinker | Tấn | 260.000 |
| 2.2 | Xi măng | Tấn | 1.600.000 |
| 3 | Doanh thu thuần | Tr. Đồng | 1.646.759 |
| 4 | Lợi nhuận | | |
| 4.1 | Lợi nhuận trước thuế TNDN và CLTG cuối kỳ | Tr. Đồng | 26.040 |
| 4.2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. Đồng | 26.040 |
| 4.3 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. Đồng | 20.832 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu | % | 2,2 |
| 6 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 0 |
| 7 | Quỹ tiền lương | Tr. Đồng | 123.018 |
| 8 | Sử dụng lao động trong năm | Người | 862 |
| 9 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 46,85 |

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.
Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Quý vị cổ đông./.

Hoàng Mai, ngày 09 tháng 3 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đinh Quang Dũng

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Thực hiện chủ trương sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, nhà máy gang thép... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản không tái tạo và giảm giá thành trong sản xuất, trong năm 2019, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai đã triển khai thử nghiệm và đưa các loại tro, xỉ từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện vào sản xuất xi măng có hiệu quả. Hiện nay công ty đang tiến hành lấy mẫu chạy thử nghiệm bùn thải lấy từ Nhà máy gang thép Hưng nghiệp Formosa để thay thế một phần đá sét trong sản xuất bột liệụ. Bên cạnh đó, Công ty đang nghiên cứu đốt thử nghiệm rác thải trong lò nung clinker với mục tiêu giảm tỷ lệ sử dụng than đốt nung luyện clinker, giảm giá thành. Các chương trình thử nghiệm này, bước đầu mang lại hiệu quả trong sản xuất xi măng và có tác động tích cực đến việc bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, hiện nay, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định trong Điều lệ chưa có ngành nghề kinh doanh thu gom, xử lý chất thải nguy hại. Căn cứ Điều 5, Điều lệ Công ty quy định "*Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua*".

Vì vậy, để triển khai chương trình thu gom, xử lý đốt rác thải công nghiệp và sử dụng các phế thải công nghiệp như bùn, tro, xỉ góp phần bảo vệ môi trường đồng thời giảm giá thành tăng tính cạnh tranh trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung:

1/ Thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh thu gom, xử lý rác thải thông thường, rác thải và chất thải nguy hại vào ngành nghề kinh doanh của Công ty.

2/ Thống nhất Sửa đổi Điều lệ công ty liên quan đến nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh nói trên và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký, bổ sung ngành nghề kinh doanh với cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Dũng

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 2% và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 1%. Tuy nhiên, do đại diện chủ sở hữu (Bộ Xây dựng) “Không đồng ý chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ tại Vicem Hoàng Mai thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018”. Theo đó, Ngày 31/12/2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 79/NQ-XMHHM-HĐQT thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và sẽ xem xét, chuyển đổi hình thức chi trả cổ tức năm 2018 để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông.

Mặt khác, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua mức chi trả cổ tức năm 2019 dự kiến là 3%.

Từ những lý do trên, đồng thời căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, lợi nhuận sau thuế lũy kế đến thời điểm 31/12/2019. Nhằm thực hiện đầy đủ quyền lợi cho cổ đông, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Số tiền |
|-----|--|------|-----------------|
| I | Vốn điều lệ | đồng | 720.000.000.000 |
| II | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2019 | đồng | 34.117.576.691 |
| | <i>Trong đó</i> | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế năm 2019 | đồng | 24.637.046.677 |
| 2 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | đồng | |
| | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | đồng | (4.112.443.687) |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | đồng | 20.524.602.990 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước | đồng | 13.592.973.701 |

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | Số tiền |
|------------|---|------|----------------|
| III | Phân phối lợi nhuận | | |
| 1 | Cổ tức phải trả (Tỷ lệ 4%) | đồng | 27.691.440.000 |
| 2 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (0,65 tháng lương) | đồng | 6.222.053.358 |
| 3 | Quỹ thưởng Người quản lý công ty (1 tháng lương) | đồng | 204.083.333 |
| 4 | Trích quỹ Đầu tư phát triển | đồng | - |
| 5 | Lợi nhuận còn lại | đồng | - |

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 dự kiến là 4% (Trong đó, từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 2% và nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 2%)

Ghi chú: Đối với cổ tức phải trả năm 2019 theo tỷ lệ 4%, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai sẽ thực hiện chi trả bằng cổ phiếu. Trong trường hợp chủ trương phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức không được thông qua, Công ty xin thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đinh Quang Dũng

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực Chứng khoán;

Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán

Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012; có hiệu lực từ ngày 01/09/2015;

Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Nhằm thực hiện quyền lợi cho cổ đông, đồng thời đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư “Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện Nhà máy Xi măng Hoàng Mai”, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019, cụ thể như sau:

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

- 1. Tổ chức phát hành:** CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
- 2. Mã chứng khoán:** HOM
- 3. Loại cổ phiếu phát hành:** Cổ phiếu phổ thông.
- 4. Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu .
- 5. Vốn điều lệ hiện nay:** 720.000.000.000 đồng.



6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 69.228.600 cổ phiếu.

7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức 2019 (4%): 2.769.144 cổ phiếu.

8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 27.691.440.000 đồng.

9. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 747.691.440.000 đồng.

10. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019 với tỷ lệ 4%.

11. Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

12. Nguồn vốn thực hiện phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2019 theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty.

13. Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ

Đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư “Dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện Nhà máy Xi măng Hoàng Mai” và các Dự án đầu tư trong năm 2020.

14. Tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: 4%

Tỷ lệ 100:4: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 04 cổ phiếu mới.

Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 203 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:4, cổ đông A sẽ được 8,12 cổ phiếu. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,12 cổ phiếu lẻ sẽ được hủy bỏ. Như vậy, cổ đông A sẽ nhận được tổng cộng 08 cổ phiếu mới.

Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

15. Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2019 sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành.

16. Thời điểm phát hành dự kiến: Trong năm 2020.

17. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:

+ Lựa chọn thời điểm phát hành cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc hoàn tất phương án phát hành, xin phép phát hành và triển khai thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

+ Lập phương án phát hành chi tiết, lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành.

+ Phê chuẩn các hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

+ Hoàn tất các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ của Công ty.

+ Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung số cổ phiếu được phát hành theo phương án nêu trên.

+ Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty để ghi nhận số vốn điều lệ mới tăng thêm từ đợt phát hành.

Trong trường hợp chủ trương phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2019 không được Bộ xây dựng đồng ý thông qua, Công ty xin được chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Dũng



Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về tình hình quản trị và hoạt động SXKD của Công ty năm 2019 với những nội dung sau:

PHẦN I: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Năm 2019 là năm Việt Nam đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đạt tương đối đồng bộ các mục tiêu tổng quát đã được Quốc hội đề ra; là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. GDP đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,9%, đóng góp 50,4% vào mức tăng chung. Chính sách tiền tệ được điều hành hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá; dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2019 đạt 2.047 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2018 và bằng 33,9% GDP.

Thị trường xi măng nội địa tiếp tục tăng trưởng, tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ năm 2019 khoảng 98 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2018. Trong đó, xi măng tiêu thụ nội địa khoảng 67 triệu tấn, tăng 1%, xuất khẩu sản phẩm xi măng và clinker khoảng 31 - 32 triệu tấn, tương đương năm trước, giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỉ USD.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của Tổng công ty Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương.

2. Khó khăn:

Giá nguyên, nhiên vật liệu năm 2019 có xu hướng tăng, đặc biệt chi phí năng lượng tăng gây ra khó khăn cho ngành xi măng, cụ thể: Giá điện tăng thêm 8,36% kể từ ngày 20/3/2019, theo đó giá điện bình quân đã tăng từ 1.720 đồng lên 1.850 đồng/KWh (chưa gồm VAT). Giá điện tăng tác động mạnh đến chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của clinker và xi măng.

Bộ Công thương và Thương mại Philippines (DTI) áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm tới với xi măng nhập khẩu từ Việt Nam. Biện pháp này đã có hiệu lực từ ngày 18/9/2019. Điều này sẽ làm ảnh hưởng giảm sản lượng và giảm hiệu quả khi xuất khẩu xi măng sang Philippines.

Thị trường xi măng trong nước vẫn trong tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Nguồn cung tại miền Trung gia tăng khi dây chuyền 3 xi măng Thành Thắng (Hà Nam) và xi măng Nam Đông (Thừa Thiên Huế) ra mắt sản phẩm mới trên thị trường. Các Nhà máy có công suất lớn như: Thành Thắng, Xuân Thành, Long Sơn, Hạ Long, SCG đã và đang đầu tư kho vận, trạm phân phối để mở rộng thị trường Miền Trung - Tây nguyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019, mặc dù có rất nhiều khó khăn thách thức trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là công tác tiêu thụ sản phẩm, nhưng Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp nhằm khắc phục khó khăn, duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc và nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, người lao động trong Công ty thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | % TH 2019/ KH 2019 |
|----------|---------------------------|------------|--------------------------|--------------------|--------------------|
| A | SẢN XUẤT | | | | |
| 1 | Clinker | Tấn | 1.400.000 | 1.431.803 | 102% |
| 2 | Xi măng | Tấn | 1.980.000 | 1.550.200 | 78% |
| B | TIÊU THỤ | | | | |
| | Tổng SLTT | Tấn | 2.020.000 | 1.905.148 | 94% |
| 1 | Clinker | Tấn | 40.000 | 366.686 | 917% |
| 2 | Xi măng | Tấn | 1.980.000 | 1.538.463 | 78% |
| C | CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | | |
| 1 | Doanh thu thuần | Triệu đồng | 1.877.783 | 1.652.709 | 88% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Triệu đồng | 38.009 | 24.637 | 65% |

2. Việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền:

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 11 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng quý, tham dự và có ý kiến chỉ đạo

trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT thông qua. Năm 2019, Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung chính như sau:

- Thống nhất phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty;

- Thống nhất phê duyệt kế hoạch và thông qua kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của Công ty;

- Thống nhất chủ trương triển khai một số gói thầu trước phục vụ báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án Xi măng Hoàng Mai 2 - Giai đoạn 1;

- Thống nhất chủ trương lập dự án đầu tư cảng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hội, Nghệ An;

- Thống nhất thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành đại hội;

- Thống nhất nội dung Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hội, Nghệ An từ Tổng công ty Xi măng Việt Nam về Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Thống nhất điều chỉnh Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty: Thành lập Ban Đầu tư xây dựng, Xí nghiệp Khai thác Mỏ, Xí nghiệp Dịch vụ Công nghiệp và đổi tên một số đơn vị phòng/ban trong Công ty;

- Thống nhất thông qua Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai; thống nhất sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế tiền lương, Quy chế tuyển dụng của Công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành;

- Thống nhất phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xi măng Hoàng Mai 2 – Giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư ước tính (chưa bao gồm thuế VAT): 6.124 tỷ đồng;

- Thống nhất phê duyệt các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2019 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Thống nhất tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai – Xí nghiệp Bê tông và Xây dựng;

- Thống nhất bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty và phê duyệt một số nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo

đổi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD trong năm 2019 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD của Công ty.

Việc tổ chức các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị từ thông báo mời họp, chương trình nghị sự, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ quyết định tại cuộc họp cũng như các cuộc họp không trực tiếp theo hình lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định từ thể thức, nội dung và tài liệu liên quan đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Những vấn đề Hội đồng quản trị bàn thảo, quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được ban hành bằng Nghị quyết để cơ quan điều hành thực hiện và được lưu giữ đầy đủ, đúng quy định.

Trên cơ sở các tài liệu được chuẩn bị chi tiết, chu đáo của cơ quan điều hành và được gửi trước, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên nên các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua sát với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty đặt ra; tất cả các quyết định được thông qua với tỷ lệ 100% thành viên tham gia dự họp tán thành.

3. Công tác chuẩn bị và tổ chức để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Hội đồng quản trị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, từ khâu chuẩn bị các điều kiện đại hội, triệu tập đại hội đến việc thực hiện chương trình đề ra cho đại hội. Hội đồng quản trị đã điều hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 hoàn thành tốt chương trình nghị sự - thông qua toàn bộ chương trình gồm có 08 nội dung mà Hội đồng quản trị đã thông báo đến các cổ đông, trong đó các nội dung được thông qua với tỷ lệ tán thành rất cao. Sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đánh giá sự chuẩn bị tốt của Hội đồng quản trị cho các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý.

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban Tổng Giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2019, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp

khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.

5. Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất năm 2019 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Chưa giải quyết triệt để được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền như: khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...

- Năng suất của máy nghiền xi măng và máy đóng bao mặc dầu đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng và có những thời điểm chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu xuất hàng tiêu thụ.

- Hàm lượng vật liệu sét cứng tại Mỏ sét Quỳnh Vinh chiếm trên 60% gây khó khăn trong việc khai thác và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng phối liệu.

- Tiêu hao than cho sản xuất clinker thực hiện trong năm 2019 đã giảm so với những năm trước, tuy nhiên chưa đạt được mục tiêu, nguyên nhân chính là Công ty chưa giải quyết được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền sản xuất.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trên cơ sở nhận định tình hình kinh tế xã hội năm 2020, khả năng khai thác năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại năm 2019, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung cơ bản như sau:

1. Về các chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2020 |
|----|-------------------------------------|----------|-----------|
| 1 | Sản lượng sản xuất | | |
| | <i>Clinker</i> | Tấn | 1.420.000 |
| | <i>Xi măng sản xuất tại nhà máy</i> | Tấn | 1.600.000 |
| | <i>Xi măng thuê gia công ngoài</i> | Tấn | 50.000 |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ | Tấn | |
| | <i>Clinker</i> | Tấn | 260.000 |
| | <i>Xi măng</i> | Tấn | 1.600.000 |
| 3 | Doanh thu thuần | Tr. Đồng | 1.646.759 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. Đồng | 26.040 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. Đồng | 20.832 |
| 6 | Nộp ngân sách | Tỷ Đồng | 46,85 |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 0 |

2. Công tác đầu tư xây dựng

- Đối với Dự án Xi măng Hoàng Mai 2: Tích cực làm việc với chính quyền địa phương và các cấp có thẩm quyền để triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc đầu tư Dự án; triển khai đồng thời các bước chuẩn bị của Dự án và chuẩn

bị nguồn vốn thực hiện Dự án; triển khai thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thăng và mỏ sét Đá Bạc.

- Đối với Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông & Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và Dự án cảng VICEM Đông Hồi: thực hiện tiếp nhận các dự án từ Tổng công ty Xi măng Việt Nam khi được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Đối với Dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện: Tích cực làm việc với CCID và Phòng Đầu tư xây dựng VICEM để sớm triển khai các bước phê duyệt và thực hiện Dự án.

- Thực hiện các dự án đầu tư, cải tạo, sửa chữa công trình kiến trúc khác theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Một số công tác khác

Tiếp tục chỉ đạo theo chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2019 - 2025; triển khai thực hiện theo kế hoạch năm 2020 để từng bước nâng cao uy tín, thương hiệu Vicem Hoàng Mai trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tập trung giải quyết triệt để các nút thắt công nghệ trong dây chuyền, giảm tiêu hao trong sản xuất; đẩy mạnh công tác đổi mới sáng tạo để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, tăng cường tính chủ động, hiệu quả, trách nhiệm.

Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (4.0) trong công tác sản xuất, quản lý, tiêu thụ, bảo vệ môi trường.

Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường: thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống lọc bụi toàn nhà máy; trồng cây xanh, dùng xe hút bụi các tuyến đường nội bộ nhà máy, không để phát thải rác thải trong nhà máy, lập phương án xử lý phế thải ...

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động quản trị doanh nghiệp của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Hội đồng quản trị Công ty xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Dũng

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam kiểm toán và đã được Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai công bố thông tin theo quy định, cụ thể như sau:

Nội dung báo cáo gồm 2 phần:

- Phần I: Báo cáo của kiểm toán độc lập.
- Phần II: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm:
 - Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2019;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019;
 - Thuyết minh Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2019 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Các nội dung chi tiết của báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được công bố thông tin trên website ximanghoangmai.vn, tại mục Quan hệ cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đình Quang Dũng

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 40 |

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Đinh Quang Dũng | Chủ tịch |
| Ông Trần Đức Danh | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Thành viên |
| Ông Trần Việt Hồng | Thành viên |
| Ông Lê Trung Kiên | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Tổng Giám đốc | |
| Ông Trần Việt Hồng | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2019 |
| Ông Đặng Ngọc Long | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2019 |
| Ông Lê Quý Thạch | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2019 |
| Ông Lê Trung Kiên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Thái Huy Chương | Thành viên |
| Ông Cao Trọng Nghiênn | Thành viên |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 60862266/21045313

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Trinh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|------------|--|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 537.780.692.996 | 613.432.014.753 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 39.853.982.745 | 129.160.069.556 |
| 111 | 1. Tiền | | 39.853.982.745 | 129.160.069.556 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 199.380.441.610 | 199.658.250.843 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5.1 | 146.133.037.738 | 168.469.465.020 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.2 | 1.620.074.723 | 4.432.814.767 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 55.782.501.411 | 31.526.931.520 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 5.1,6 | (4.155.172.262) | (4.770.960.464) |
| 140 | III. Hàng tồn kho | 8 | 273.596.291.775 | 256.666.768.994 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 274.782.982.201 | 257.859.099.387 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (1.186.690.426) | (1.192.330.393) |
| 150 | IV. Tài sản ngắn hạn khác | | 24.949.976.866 | 27.946.925.360 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 9 | 23.788.451.809 | 18.625.155.222 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.161.525.057 | 9.321.770.138 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 992.261.331.141 | 1.067.494.759.622 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 10.292.107.957 | 5.648.195.221 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 6 | 10.292.107.957 | 5.648.195.221 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 727.297.211.101 | 768.900.115.942 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 726.480.134.497 | 768.352.194.420 |
| 222 | Nguyên giá | | 2.985.099.287.045 | 2.894.729.827.713 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (2.258.619.152.548) | (2.126.377.633.293) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 817.076.604 | 547.921.522 |
| 228 | Nguyên giá | | 2.518.923.370 | 2.168.923.370 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.701.846.766) | (1.621.001.848) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 48.128.766.530 | 89.062.600.449 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12 | 48.128.766.530 | 89.062.600.449 |
| 250 | IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| 255 | 1. Các khoản đầu tư tài chính | 13 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 194.543.245.553 | 191.883.848.010 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 69.842.184.454 | 62.478.415.381 |
| 263 | 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 8 | 124.701.061.099 | 129.405.432.629 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 1.530.042.024.137 | 1.680.926.774.375 |

32-0
 CÔNG TY
 TNHH
 & Y
 T.N.
 (NH)
 HÀ N
 KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm (Trình bày lại) |
|------------|---|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 576.775.631.040 | 740.843.760.519 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 532.670.306.521 | 702.246.644.183 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 14.1 | 230.703.830.081 | 334.091.780.926 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14.2 | 6.414.217.852 | 1.245.371.099 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 28.153.591.797 | 15.453.741.484 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 29.370.370.493 | 25.166.942.194 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 2.835.611.367 | 18.091.972.343 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 7.037.726.948 | 18.141.206.954 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 18 | 227.630.057.983 | 286.704.146.040 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 19 | 524.900.000 | 3.351.483.143 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 44.105.324.519 | 38.597.116.336 |
| 341 | 1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 28.3 | 41.123.414.721 | 37.010.971.034 |
| 342 | 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 20 | 2.981.909.798 | 1.586.145.302 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 953.266.393.097 | 940.083.013.856 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 21 | 953.266.393.097 | 940.083.013.856 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 720.000.000.000 | 720.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết | | 720.000.000.000 | 720.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 19.138.086.811 | 19.138.086.811 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (28.199.462.462) | (28.199.462.462) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 208.210.192.057 | 208.210.192.057 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 34.117.576.691 | 20.934.197.450 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 13.592.973.701 | 1.874.651.152 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 20.524.602.990 | 19.059.546.298 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 1.530.042.024.137 | 1.680.926.774.375 |



Trần Văn Đức
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc


Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------|--|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1 | 1.668.965.663.566 | 1.734.375.639.478 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 22.1 | (16.256.407.541) | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1 | 1.652.709.256.025 | 1.734.375.639.478 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 23 | (1.468.983.750.732) | (1.524.899.638.375) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 183.725.505.293 | 209.476.001.103 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 22.2 | 1.337.532.904 | 1.137.953.465 |
| 22 23 | 7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 24 | (22.696.622.632) (22.372.717.528) | (19.914.348.170) (19.880.386.365) |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 25 | (65.231.256.035) | (99.909.301.696) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | (74.965.303.255) | (71.160.918.603) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 22.169.856.275 | 19.629.386.099 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 26 | 3.123.560.401 | 3.863.005.885 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 26 | (656.369.999) | (300.000.000) |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 2.467.190.402 | 3.563.005.885 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 24.637.046.677 | 23.192.391.984 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 28.1 | - | (20.402.000) |
| 52 | 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 28.3 | (4.112.443.687) | (4.112.443.686) |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 20.524.602.990 | 19.059.546.298 |
| 70 | 18. Lãi trên cổ phiếu | 30 | | |
| | - Lãi cơ bản | | 296 | 169 |
| | - Lãi suy giảm | | 296 | 169 |


Trần Văn Đức
Người lập


Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 24.637.046.677 | 23.192.391.984 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình | 10,11 | 136.604.513.536 | 134.700.378.270 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 4.374.283.861 | 928.809.808 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (383.683) | (300.588) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (1.528.567.368) | (1.440.977.816) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 24 | 22.372.717.528 | 19.880.386.365 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 186.459.610.551 | 177.260.688.023 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | | 1.001.574.946 | (21.439.267.983) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (12.219.511.284) | (9.500.064.734) |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | | (114.215.803.050) | 81.443.627.385 |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (12.527.065.660) | (9.631.947.800) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (22.459.741.991) | (19.902.426.345) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | - | (20.402.000) |
| 16 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 6.000.000.000 | - |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (16.167.806.892) | (9.952.761.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 15.871.256.620 | 188.257.445.546 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (47.558.433.069) | (42.589.389.589) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 454.545.455 | 307.272.728 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay | | 1.000.248.557 | 975.920.388 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (46.103.639.057) | (41.306.196.473) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 1.484.814.461.232 | 1.266.203.110.021 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | | (1.543.888.549.289) | (1.338.696.723.718) |
| 36 | Cổ tức đã trả | | - | (18.564.500) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (59.074.088.057) | (72.512.178.197) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|------------------|-----------------|
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (89.306.470.494) | 74.439.070.876 |
| 60 | Tiền đầu năm | 4 | 129.160.069.556 | 54.720.698.092 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 383.683 | 300.588 |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 39.853.982.745 | 129.160.069.556 |



Trần Văn Đức
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 858 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 867 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế. - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

11/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 5 - 10 năm |
| Trang thiết bị văn phòng | 3 - 6 năm |
| Phần mềm máy tính | 4 - 11 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--------------------|-------------------------|------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Tiền mặt | 1.317.673.975 | 643.859.175 |
| Tiền gửi ngân hàng | 38.536.308.770 | 128.516.210.381 |
| TỔNG CỘNG | 39.853.982.745 | 129.160.069.556 |

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|---------------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i> |
| Phải thu ngắn hạn từ khách hàng | 139.034.772.059 | 144.277.183.362 |
| - Công ty TNHH XNK&DV TM An Việt Nam | 35.801.643.580 | - |
| - Sở Tài chính Nghệ An (*) | 24.573.923.952 | 35.049.749.991 |
| - Công ty TNHH Trường An | 19.511.284.800 | 13.833.321.436 |
| - Công ty TNHH MTV DV&TM Dũng Trâm | 11.934.988.979 | 2.476.397.981 |
| - Công ty TNHH Thành Luân | 10.766.401.962 | 24.914.553.018 |
| - Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung | 3.151.236.412 | 5.340.593.373 |
| - Công ty Cổ phần Xi măng Việt HP | - | 21.902.457.212 |
| - Phải thu các khách hàng khác | 33.295.292.374 | 40.760.110.351 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 7.098.265.679 | 24.192.281.658 |
| TỔNG CỘNG | 146.133.037.738 | 168.469.465.020 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (3.800.172.262) | (1.171.012.930) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Đây là khoản công nợ phải thu Sở Tài chính tỉnh Nghệ An đối với hoạt động cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn và phát sinh trong các năm 2016 và 2017. Do Sở Tài chính Nghệ An chưa thể thu xếp nguồn kinh phí ngân sách để trả nợ Công ty đúng thời hạn hợp đồng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và Cục thuế tỉnh Nghệ An đã có văn bản cho phép Công ty được nợ các khoản thuế tương ứng với khoản nợ phải thu mà Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| - Liên đoàn địa chất Bắc Trung Bộ | 489.035.665 | - |
| - Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh | - | 2.728.581.125 |
| - Công ty Cổ phần Thủy lực | - | 843.810.000 |
| - Trả trước cho người bán khác | 1.131.039.058 | 860.423.642 |
| TỔNG CỘNG | 1.620.074.723 | 4.432.814.767 |

6. PHẢI THU KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|---|-------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | | <i>Số đầu năm</i> | |
| | <i>Giá trị</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá trị</i> | <i>Dự phòng (Trình bày lại)</i> |
| Ngắn hạn | | | | |
| Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Xi măng Hoàng Mai (*) | 29.309.704.000 | - | 3.299.389.000 | - |
| Chi phí dự án Đường tránh Ngã Ba Đông Lộc (**) | 11.345.320.726 | - | 17.951.086.262 | - |
| Tạm ứng cho cho nhân viên | 5.938.163.095 | - | 2.728.122.990 | - |
| Chi phí chi hộ cho Công ty TNHH XNK và DVTM Việt Nam | 3.349.751.965 | - | - | - |
| Ứng trước chi phí hỗ trợ người lao động và công tác an sinh xã hội | 3.337.587.653 | - | - | - |
| Tiền lãi phải thu | 415.501.000 | - | 223.908.300 | - |
| Cho vay | 355.000.000 | 355.000.000 | 355.000.000 | - |
| Phải thu về chi phí đã phát sinh cho Dự án Khu Đô Thị Vicem Hoàng Mai | - | - | 6.172.086.734 | 3.599.947.534 |
| Các khoản phải thu khác | 1.731.472.972 | - | 897.338.234 | - |
| TỔNG CỘNG | 55.782.501.411 | 355.000.000 | 31.526.931.520 | 3.599.947.534 |
| Dài hạn | | | | |
| Đặt cọc, ký cược, ký quỹ | 10.292.107.957 | - | 5.648.195.221 | - |
| TỔNG CỘNG | 10.292.107.957 | - | 5.648.195.221 | - |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>65.562.743.339</i> | <i>355.000.000</i> | <i>37.024.886.728</i> | <i>3.599.947.534</i> |
| <i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i> | <i>511.866.029</i> | <i>-</i> | <i>150.240.013</i> | <i>-</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Đây là khoản tiền bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban Nhân dân thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu Đô thị Xi măng Hoàng Mai tại xã Quỳnh Vinh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang triển khai các bước để chuyển nhượng Dự án này căn cứ theo các quyết định của Tổng giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Hội đồng Quản trị Công ty.

(**) Theo Quyết định số 709/VICEM-TGD-CĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam ("Vicem") về việc kêu gọi các đơn vị thành viên tham gia hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường tránh đoạn qua Khu Di tích lịch sử ngã ba Đồng Lộc và giao cho Công ty thay mặt Vicem thực hiện dự án này, Công ty đã ứng trước chi phí thực hiện dự án và các khoản chi phí này sẽ được hoàn trả bởi các đơn vị thành viên trong Vicem.

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm (Trình bày lại) | |
|----------------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai | - | - | 3.599.947.534 | - |
| Công ty Cổ phần xi măng Puzolan | 2.658.439.332 | - | - | - |
| Khác | 1.496.732.930 | - | 1.171.012.930 | - |
| TỔNG CỘNG | 4.155.172.262 | - | 4.770.960.464 | - |

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | | | |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang | 107.761.122.266 | - | 84.213.428.916 | - |
| Nguyên liệu, nhiên liệu | 78.093.897.880 | (113.872.040) | 93.060.060.571 | (114.253.190) |
| Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ | 61.642.469.746 | (1.072.818.386) | 46.114.177.652 | (1.078.077.203) |
| Thành phẩm | 27.285.492.309 | - | 34.471.432.248 | - |
| TỔNG CỘNG | 274.782.982.201 | (1.186.690.426) | 257.859.099.387 | (1.192.330.393) |
| Dài hạn | | | | |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 124.701.061.099 | - | 129.405.432.629 | - |
| TỔNG CỘNG | 124.701.061.099 | - | 129.405.432.629 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 1.192.330.393 | 1.284.345.983 |
| Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm | (5.639.967) | (92.015.590) |
| Số cuối năm | <u>1.186.690.426</u> | <u>1.192.330.393</u> |

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí sửa chữa phân bổ (*) | 15.741.967.998 | 12.725.253.175 |
| Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*) | 5.851.710.820 | 3.240.389.278 |
| Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*) | 1.304.666.665 | 1.548.424.998 |
| Chi phí sửa chữa nhà cửa kiến trúc | - | 318.297.501 |
| Phí bảo hiểm | 890.106.326 | 792.790.270 |
| TỔNG CỘNG | <u>23.788.451.809</u> | <u>18.625.155.222</u> |
| Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa phân bổ (*) | 39.202.293.615 | 44.782.330.600 |
| Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*) | 12.295.918.425 | 7.584.596.243 |
| Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*) | 8.451.334.596 | 2.927.525.116 |
| Chi phí sửa chữa nhà cửa kiến trúc | 7.399.870.738 | 5.700.958.700 |
| Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất mở đá vôi (Hoàng Mai B) | 2.492.767.080 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | - | 1.483.004.722 |
| TỔNG CỘNG | <u>69.842.184.454</u> | <u>62.478.415.381</u> |

(*) Chủ yếu là chi phí thay thế phụ tùng, vật tư phát sinh và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư, phụ tùng sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp. Công ty đã thực hiện phân bổ các chi phí vật tư, thiết bị, phụ tùng xuất dùng cho sửa chữa lớn kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị truyền dẫn | Trang thiết bị văn phòng | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------------|--------------------------|-------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Số đầu năm | 755.378.808.998 | 2.086.616.060.243 | 12.360.617.776 | 2.894.729.827.713 |
| - Mua trong năm | - | 10.792.175.536 | 468.930.000 | 13.388.384.263 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 55.290.399.363 | 26.101.042.808 | - | 81.391.442.171 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (479.657.014) | (3.930.710.088) | - | (4.410.367.102) |
| Số cuối năm | 810.189.551.347 | 2.119.578.568.499 | 12.829.547.776 | 2.985.099.287.045 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết | 91.629.282.342 | 90.291.930.592 | 2.860.066.230 | 208.289.234.010 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | 362.738.016.101 | 1.722.852.569.393 | 8.416.175.610 | 2.126.377.633.293 |
| - Khấu hao trong năm | 28.665.227.053 | 103.526.464.540 | 2.119.767.236 | 136.523.668.618 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (469.238.112) | (3.812.911.251) | - | (4.282.149.363) |
| Số cuối năm | 390.934.005.042 | 1.822.566.122.682 | 10.535.942.846 | 2.258.619.152.548 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | 392.640.792.897 | 363.763.490.850 | 3.944.442.166 | 768.352.194.420 |
| Số cuối năm | 419.255.546.305 | 297.012.445.817 | 2.293.604.930 | 726.480.134.497 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------|
| | <i>Phần mềm máy tính</i> | |
| Nguyên giá: | | |
| Số đầu năm | | 2.168.923.370 |
| Tăng trong năm | | <u>350.000.000</u> |
| Số cuối năm | | <u>2.518.923.370</u> |
| Trong đó: | | |
| Đã hao mòn hết | | 1.482.223.370 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | |
| Số đầu năm | | 1.621.001.848 |
| Hao mòn trong năm | | <u>80.844.918</u> |
| Số cuối năm | | <u>1.701.846.766</u> |
| Giá trị còn lại: | | |
| Số đầu năm | | <u>547.921.522</u> |
| Số cuối năm | | <u>817.076.604</u> |

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Dự án Hoàng Mai II (*) | 23.840.847.476 | 23.840.847.476 |
| Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III | 21.858.500.330 | 46.661.420.156 |
| Hệ thống dây chuyền đóng bao | - | 11.898.038.461 |
| Mua sắm tài sản cố định | 1.145.980.000 | 5.376.777.250 |
| Tổ hợp nhà thương mại Vinh | 707.528.924 | 707.528.924 |
| Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh | 495.060.000 | 495.060.000 |
| Các công trình khác | <u>80.849.800</u> | <u>82.928.182</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>48.128.766.530</u> | <u>89.062.600.449</u> |

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư ban đầu cho Dự án Xi măng Hoàng Mai II, chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ. Dự án này bao gồm các hạng mục là (i) một trạm nghiền xi măng công suất 1.800.000 tấn xi măng/năm tại Khu Công nghiệp Đông Hải, thị xã Hoàng Mai, (ii) cảng Đông Hải, thị xã Hoàng Mai, và (iii) dây chuyền lò nung clinker công suất 6.000 tấn clinker/ngày tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Dự án này đang trong quá trình xin phê duyệt Giấy Chứng nhận Đầu tư.

11/2/2020 12:11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Đơn vị tính: VND | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Trái phiếu ngân hàng | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm, đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027 và hưởng lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tham chiếu (trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được niêm yết của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được quyền mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu đã phát hành này với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm kể từ ngày phát hành.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| | Số dư | Số có khả năng trả nợ | Số dư | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả ngắn hạn cho người bán | 202.813.735.755 | 202.813.735.755 | 222.574.021.670 | 222.574.021.670 |
| - Công ty TNHH Thương mại Thành Công | 25.582.852.561 | 25.582.852.561 | 19.758.778.925 | 19.758.778.925 |
| - Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng | 15.411.226.050 | 15.411.226.050 | 49.781.544.004 | 49.781.544.004 |
| - Phải trả người bán khác | 161.819.657.144 | 161.819.657.144 | 153.033.698.741 | 153.033.698.741 |
| Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 27.890.094.326 | 27.890.094.326 | 111.517.759.256 | 111.517.759.256 |
| TỔNG CỘNG | 230.703.830.081 | 230.703.830.081 | 334.091.780.926 | 334.091.780.926 |

14.2 Người mua trả tiền trước

| | Đơn vị tính: VND | |
|---|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Hạ tầng Châu Âu | 3.779.168.496 | 60.778.500 |
| Các đối tượng khác | 2.635.049.356 | 1.184.592.599 |
| TỔNG CỘNG | 6.414.217.852 | 1.245.371.099 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

| | Số đầu năm (Trình bày lại) | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|-------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | 5.016.046.751 | 2.409.435.805 | 5.718.898.631 | 1.706.583.925 |
| Thuế tài nguyên | 3.800.786.125 | 15.433.080.168 | 7.177.663.545 | 12.056.202.748 |
| Tiền thuế đất | 2.176.849.001 | 4.353.698.000 | 2.176.849.000 | 4.353.698.001 |
| Thuế giá trị gia tăng | 2.127.559.465 | 11.934.080.637 | 10.125.031.224 | 3.936.608.878 |
| Phí bảo vệ môi trường | 2.023.749.808 | 7.559.028.466 | 3.693.068.698 | 5.889.709.576 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 308.750.334 | 415.323.087 | 513.284.752 | 210.788.669 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 2.992.661.042 | 2.992.661.042 | - |
| TỔNG CỘNG | 15.453.741.484 | 45.097.307.205 | 32.397.456.892 | 28.153.591.797 |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công sửa chữa lớn | 1.776.264.100 | - |
| Chi phí hỗ trợ tiêu thụ, khuyến mại | 458.700.000 | 5.874.423.991 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 262.327.630 | 349.352.093 |
| Chi phí tiền điện | 61.766.418 | 54.332.244 |
| Chi phí bốc xếp, vận chuyển | - | 8.891.589.243 |
| Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm | - | 585.855.870 |
| Chi phí phải trả khác | 276.553.219 | 2.336.418.902 |
| TỔNG CỘNG | 2.835.611.367 | 18.091.972.343 |

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|-----------------------|
| Cổ tức phải trả cho cổ đông | 2.038.955.150 | 2.041.784.150 |
| Chi phí vận tải (*) | 1.873.342.333 | 9.454.605.875 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 329.138.845 | 1.881.138.245 |
| Phải trả về chi phí của đối tác đã phát sinh cho Dự án Đô Thị Xi măng Hoàng Mai | - | 2.572.139.200 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 2.796.290.620 | 2.191.539.484 |
| TỔNG CỘNG | 7.037.726.948 | 18.141.206.954 |

(*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (Thuyết minh số 5.1). Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | | Đơn vị tính: VND |
|------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | |
| Vay ngân hàng | 286.704.146.040 | 286.704.146.040 | 1.484.814.461.232 | 1.543.888.549.289 | 227.630.057.983 | 227.630.057.983 | |
| TỔNG CỘNG | 286.704.146.040 | 286.704.146.040 | 1.484.814.461.232 | 1.543.888.549.289 | 227.630.057.983 | 227.630.057.983 | |

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm (VND) | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|---|-------------------|--|------------------|--|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Công | 93.549.123.891 | Từ 5 đến 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 1 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020. | 6,8% | Một số phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, và hàng tồn kho. |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn | 67.810.955.041 | 3 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 17 tháng 3 năm 2010 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020. | 6,8% | Một số nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai. |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An | 66.269.979.051 | Từ 3 đến 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 15 tháng 2 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020. | 6,7% - 6,8% | Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. Một số máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất xi măng Hoàng Mai. |

Tổng cộng 227.630.057.983

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần đã góp | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại) | Tổng cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|--------------------------|--|-----------------|
| Đơn vị tính: VND | | | | | | |
| Năm trước | | | | | | |
| Số đầu năm (Trình bày lại) | 720.000.000.000 | 19.138.086.811 | (28.199.462.462) | 208.210.192.057 | 1.874.651.152 | 921.023.467.558 |
| - Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 19.059.546.298 | 19.059.546.298 |
| Số cuối năm (Trình bày lại) | 720.000.000.000 | 19.138.086.811 | (28.199.462.462) | 208.210.192.057 | 20.934.197.450 | 940.083.013.856 |
| Năm nay | | | | | | |
| Số đầu năm (Trình bày lại) | 720.000.000.000 | 19.138.086.811 | (28.199.462.462) | 208.210.192.057 | 20.934.197.450 | 940.083.013.856 |
| - Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 20.524.602.990 | 20.524.602.990 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | - | - | (7.341.223.749) | (7.341.223.749) |
| Số cuối năm | 720.000.000.000 | 19.138.086.811 | (28.199.462.462) | 208.210.192.057 | 34.117.576.691 | 953.266.393.097 |

(*) Trong năm, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

Cũng theo Nghị Quyết nêu trên, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 13.845.720.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 79/NQ-XMHH-HĐQT về việc dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất về phương án thay thế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| <i>Cổ đông</i> | <i>Số cuối năm</i> | | <i>Số đầu năm</i> | |
|-------------------------------|-------------------------------|----------------|-------------------------------|----------------|
| | <i>Cổ phiếu phổ thông VND</i> | <i>Tỷ lệ %</i> | <i>Cổ phiếu phổ thông VND</i> | <i>Tỷ lệ %</i> |
| Tổng Công ty Xi măng Việt Nam | 510.918.000.000 | 70,96 | 510.918.000.000 | 70,96 |
| Các cổ đông khác | 209.082.000.000 | 29,04 | 209.082.000.000 | 29,04 |
| TỔNG CỘNG | 720.000.000.000 | 100,00 | 720.000.000.000 | 100,00 |

21.3 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|--|--------------------|--------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | (2.771.400) | (2.771.400) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 69.228.600 | 69.228.600 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông | 69.228.600 | 69.228.600 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 đồng Việt Nam).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

22.1 Doanh thu bán hàng

| | Đơn vị tính: VND | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 1.668.965.663.566 | 1.734.375.639.478 |
| Doanh thu bán xi măng và clinker | 1.653.790.680.348 | 1.704.369.673.978 |
| Doanh thu khác | 19.920.747.444 | 30.005.965.500 |
| Giảm trừ doanh thu khác | (4.745.764.226) | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 16.256.407.541 | - |
| Hàng bán bị trả lại | 16.256.407.541 | - |
| Doanh thu thuần | 1.652.709.256.025 | 1.734.375.639.478 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu từ bên khác</i> | 1.623.962.112.593 | 1.722.249.710.389 |
| <i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i> | 28.747.143.432 | 12.452.062.726 |

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Đơn vị tính: VND | |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.191.841.257 | 1.121.688.938 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 145.691.647 | 16.264.527 |
| TỔNG CỘNG | 1.337.532.904 | 1.137.953.465 |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn bán xi măng và clinker | 1.461.353.011.944 | 1.500.869.093.761 |
| Giá vốn bán sản phẩm khác | 12.376.503.014 | 24.030.544.614 |
| Giảm trừ giá vốn khác | (4.745.764.226) | - |
| TỔNG CỘNG | 1.468.983.750.732 | 1.524.899.638.375 |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 22.372.717.528 | 19.880.386.365 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 57.702.104 | 33.961.805 |
| Chi phí tài chính khác | 266.203.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 22.696.622.632 | 19.914.348.170 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí bốc xếp, vận chuyển | 17.672.374.757 | 25.108.964.576 |
| Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương | 10.364.631.565 | 12.938.752.943 |
| Chi phí hội nghị, khánh tiết | 7.955.165.052 | 10.240.354.641 |
| Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ | 8.325.277.955 | 25.252.304.991 |
| Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm | 3.741.042.923 | 3.404.308.883 |
| Chi phí chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường | 2.697.497.957 | 2.017.477.257 |
| Chi phí lợi thế thương mại | - | 1.939.542.460 |
| Chi phí khác | 14.475.265.826 | 19.007.595.945 |
| | 65.231.256.035 | 99.909.301.696 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương | 28.522.376.395 | 27.263.405.672 |
| Chi phí hội nghị, khánh tiết | 9.271.608.675 | 8.042.201.893 |
| Chi phí khấu hao | 6.966.563.094 | 8.995.377.895 |
| Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp | 2.296.993.624 | 1.651.299.467 |
| Chi phí khác | 27.907.761.467 | 25.208.633.676 |
| | 74.965.303.255 | 71.160.918.603 |
| TỔNG CỘNG | 140.196.559.290 | 171.070.220.299 |

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------|-------------------------|----------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Thu nhập khác | | |
| Bồi thường tổn thất | 1.002.609.110 | 2.610.037.500 |
| Lãi từ thanh lý tài sản | 336.726.111 | 307.272.728 |
| Thu phạt hợp đồng | 421.587.052 | 152.620.000 |
| Thu nhập khác | 1.362.638.128 | 793.075.657 |
| | 3.123.560.401 | 3.863.005.885 |
| Chi phí khác | 656.369.999 | 300.000.000 |
| Chi phí khác | 656.369.999 | 300.000.000 |
| LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN | 2.467.190.402 | 3.563.005.885 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 847.497.070.333 | 863.047.618.150 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 362.780.561.251 | 378.780.561.040 |
| Chi phí nhân công | 139.220.601.986 | 140.721.601.901 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 136.604.513.536 | 134.700.378.270 |
| Chi phí khác | 139.439.316.327 | 143.492.062.929 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.625.542.063.433</u> | <u>1.660.742.222.290</u> |

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước | - | 20.402.000 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 4.112.443.687 | 4.112.443.686 |
| TỔNG CỘNG | <u>4.112.443.687</u> | <u>4.132.845.686</u> |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 24.637.046.677 | 23.192.391.984 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 4.927.409.335 | 4.638.478.397 |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i> | | |
| Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác | 157.767.525 | 205.631.637 |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | - | 20.402.000 |
| Các khoản khác | - | 20.095.456 |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i> | | |
| Lỗi năm trước chuyển sang | (972.733.173) | (751.761.804) |
| Chi phí thuế TNDN | <u>4.112.443.687</u> | <u>4.132.845.686</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|--------------------------------------|------------------------|
| | Bảng cân đối kế toán | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | |
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | | | |
| Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định | 41.123.414.721 | 37.010.971.034 | (4.112.443.687) | (4.112.443.686) |
| | 41.123.414.721 | 37.010.971.034 | | |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh | | | (4.112.443.687) | (4.112.443.686) |

Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 706.774.957 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.570.440.822 VND) có thể sẽ được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (Trình bày lại) (*) | Đã chuyển lỗ đến 31 tháng 12 năm 2019 | Đơn vị tính: VND | |
|------------------|--------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------|---|
| | | | | Không được chuyển lỗ | Chưa chuyển lỗ tại 31 tháng 12 năm 2019 |
| 2017 | 2022 | 5.570.440.822 | (4.863.665.865) | - | 706.774.957 |
| TỔNG CỘNG | | 5.570.440.822 | (4.863.665.865) | - | 706.774.957 |

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra tại ngày của báo cáo tài chính.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
|--|-------------------------------------|---|-----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng | Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty | Mua than cám | 146.919.398.789 | 195.357.831.216 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Gia công xi măng xuất khẩu | 9.513.458.180 | 56.860.128.524 |
| Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua thạch cao | 15.511.418.182 | 26.710.613.033 |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao xi măng | 9.304.315.800 | 26.150.713.900 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Gia công xi măng | 11.192.066.350 | - |
| | | Bán clinker | 17.555.077.082 | - |
| | | Quỹ phúc lợi ủng hộ cho Công đoàn Công ty | 3.000.000.000 | - |
| Tổng Công ty Xi măng Việt Nam | Công ty mẹ | Phi tư vấn (*) | 4.994.491.581 | 3.668.776.724 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Quỹ phúc lợi ủng hộ cho Công đoàn Công ty | 3.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao xi măng | 2.285.810.500 | 6.349.521.900 |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao xi măng | 844.184.000 | 9.736.084.100 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp Tiểu thụ và Dịch vụ XMHT 1 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Gia công xi măng | - | 9.192.000.000 |
| Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Bán clinker | - | 2.933.929.089 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng công ty | Mua vỏ bao và clinker | - | 2.694.112.344 |

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Theo hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp và các phụ lục hợp đồng ký giữa Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Công ty, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, tổng phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,3% trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công ngoài (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,2% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công thuê ngoài).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------------------------------|---|----------------------|-----------------------|
| Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1) | | | | |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 – Trạm nghiền Cam Ranh | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền gia công xi măng bán clinker | 6.999.311.792 | - |
| Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền gia công xi măng | 98.953.887 | 2.098.953.887 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền gia công xi măng | - | 10.111.200.000 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền xây gạch lò và gia công xi măng | - | 11.982.127.771 |
| | | | 7.098.265.679 | 24.192.281.658 |
| Phải thu khác (Thuyết minh số 6) | | | | |
| Tổng Công ty Xi măng Việt Nam | Công ty mẹ | Phải thu tiền do điều chỉnh tỷ lệ tính phí tư vấn | 450.978.629 | 9.584.483 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu vật tư cho vay | 60.887.400 | 135.064.678 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền điện nước | - | 5.530.714 |
| Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền điện nước | - | 60.138 |
| | | | 511.866.029 | 150.240.013 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14) | | | | |
| Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua than cám | 15.411.226.050 | 49.781.544.004 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao | 46.141.400 | 22.546.141.400 |
| Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua thạch cao | 6.614.847.200 | 15.616.064.352 |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao | 2.803.514.922 | 11.201.409.670 |
| - Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Tiền mua vỏ bao | 1.859.437.690 | 3.327.798.979 |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao | 928.602.400 | 7.551.278.120 |
| Tổng Công ty Xi măng Việt Nam | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phí quản lý | 224.687.600 | 1.312.631.581 |
| Công ty Cổ Phần xi măng Vicem Hải Vân | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phí gia công xi măng bao | 1.637.064 | - |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ XMHT 1 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua cát tiêu chuẩn | - | 180.891.150 |
| | | | 27.890.094.326 | 111.517.759.256 |

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc | 2.449.000.000 | 2.160.000.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 480.000.000 | 522.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 2.929.000.000 | 2.682.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------|------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| | | <i>(Trình bày lại)</i> |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 20.524.602.990 | 19.059.546.298 |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (7.341.223.749) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 20.524.602.990 | 11.718.322.549 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm | 20.524.602.990 | 11.718.322.549 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 69.228.600 | 69.228.600 |
| Ảnh hưởng suy giảm | - | - |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm | 69.228.600 | 69.228.600 |
| <i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i> | <i>296</i> | <i>169</i> |
| <i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i> | <i>296</i> | <i>169</i> |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong kỳ và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm 2019 có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 20 tháng 8 năm 2019 với chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

| <i>Mã số</i> | <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (đã được trình bày trước đây)</i> | <i>Số điều chỉnh (*)</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (được trình bày lại)</i> |
|-----------------------------|---|--|--------------------------|---|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (7.784.399.796) | 3.013.439.332 | (4.770.960.464) |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12.187.555.853 | 3.266.185.631 | 15.453.741.484 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 21.186.943.749 | (252.746.299) | 20.934.197.450 |
| 421a | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 2.127.397.451 | (252.746.299) | 1.874.651.152 |

(*) Chủ yếu bao gồm các điều chỉnh liên quan đến trích lập dự phòng phải thu khó đòi, phí cấp quyền khai thác khoáng sản và ảnh hưởng tới lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản phí tư vấn

Theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 541/TB-KTNN ngày 20 tháng 8 năm 2019, các khoản chi phí liên quan đến phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp phải trả cho Vicem như được trình bày tại Thuyết minh số 29 là phí liên quan đến giao dịch liên kết và hiện tại, chưa có sự thống nhất về mức phí cho cùng một loại dịch vụ phí tư vấn giữa các đơn vị trong Vicem nên cần được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 3,3 tỷ đồng. Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 11918/VPCP-KTTH ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn Vicem thực hiện việc hạch toán và xác định chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hai loại phí tư vấn nêu trên và hiện tại, Công ty và Vicem chưa nhận được văn bản trả lời từ Bộ Tài chính. Do đó, Công ty sẽ thực hiện khuyến nghị nêu trên của Kiểm toán Nhà nước cho năm 2018 và năm 2019 (tổng chi phí tư vấn là 4,6 tỷ đồng) sau khi có hướng dẫn chính thức từ Bộ Tài chính.

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Đến 1 năm | 4.353.698.000 | 4.353.698.000 |
| Từ 1 - 5 năm | 7.544.194.800 | 11.372.853.650 |
| Trên 5 năm | 12.062.984.474 | 12.588.023.624 |
| TỔNG CỘNG | <u>23.960.877.275</u> | <u>28.314.575.275</u> |

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đá sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, theo Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Công ty có nghĩa vụ nộp số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến hết thời gian cấp phép ngày 31 tháng 12 năm 2042 với tổng giá trị là 48,6 tỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo các công văn thông báo và hướng dẫn UBND tỉnh Nghệ An và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An và Quyết định số 2921/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh mà Công ty được cấp giấy phép khai thác, Công ty có các cam kết liên quan tới việc chi phí cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 471.484.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 38.745.000 đồng.

Đối với mỏ sét Quỳnh Vinh, tổng số tiền ký quỹ là 5.060.045.000 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B để nâng công suất lên 2,4 triệu tấn/năm, tổng số tiền ký quỹ là 26.864.440.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ lần đầu là 4.029.666.000 đồng và số tiền ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2019 tới năm 2049) là 787.406.000 đồng.

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2015) và Thông tư 44/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017). Theo quy định tại các Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại các Thông tư này, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của các Thông tư này. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế Tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Văn Đức
Người lập



Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2020



Hoàng Mai, ngày 12 tháng 3 năm 2020

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sẽ biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 17 / 6 /2020 cụ thể như sau.

| | |
|-------------|---|
| Nội dung 1 | Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty. |
| Nội dung 2 | Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty |
| Nội dung 3 | Thông qua báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020. |
| Nội dung 4 | Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán. |
| Nội dung 5 | Thông qua báo cáo phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019. |
| Nội dung 6 | Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019. |
| Nội dung 7 | Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. |
| Nội dung 8 | Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 |
| Nội dung 9 | Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty liên quan đến việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. |
| Nội dung 10 | Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty. |

Kính trình Đại hội thông qua.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐÌNH QUANG DŨNG

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

QUY CHẾ BẦU CỬ

BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018- 2023 TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Điều 1. Mục tiêu của Quy chế bầu cử

- Đảm bảo tuân thủ theo luật pháp Việt Nam.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;

Điều 2. Đối tượng thực hiện bầu cử và đối tượng được bầu cử.

- Đối tượng thực hiện bầu cử là cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Đối tượng được bầu cử là các ứng cử viên có đủ tiêu chuẩn và các điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ban tổ chức đại hội tại Văn bản "Quy định về việc ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai" có hồ sơ ứng cử, đề cử gửi về cho Ban tổ chức trước 17h00 ngày 16/6/2020.

Điều 3. Danh sách ứng viên, Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT).

- Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần, tổng số lượt phiếu bầu có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền). Trên mỗi Phiếu bầu có ghi đầy đủ thông tin của cổ đông, số cổ phần sở hữu và/ hoặc số cổ phần được ủy quyền, tổng số lượt phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị.

- Trường hợp Quý cổ đông dùng toàn bộ số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần được ủy quyền ghi trên Phiếu bầu của mình để bầu theo phương án phân bổ đều cho các ứng viên HĐQT thì Quý cổ đông bỏ phiếu bằng cách để nguyên Phiếu bầu (không ghi gì thêm) và chỉ ký tên trên Phiếu bầu.
- Trong trường hợp quý cổ đông không phân bổ đều số lượt phiếu bầu của mình (kể cả phần được ủy quyền) cho ứng viên HĐQT thì Quý cổ đông ghi trực tiếp ý kiến, số lượt phiếu bầu trên Phiếu bầu sao cho tổng số lượt phiếu bầu thành viên HĐQT không lớn hơn số lượt phiếu bầu (kể cả phần được ủy quyền) ghi trên Phiếu bầu đồng thời Quý cổ đông ký tên trên Phiếu bầu.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số lượt phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số lượt phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số lượt phiếu bầu được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Điều 4. Phương thức bầu cử

- Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số lượt phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số lượt phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Điều 5. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử

- a. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử có trách nhiệm:
 - Thông qua Quy chế bầu cử;
 - Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;
 - Tiến hành kiểm phiếu;
 - Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- c. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị là 01 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;
 - + Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị theo dự kiến do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 7. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 8. Khiếu nại về việc bầu cử.

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 9. Hiệu lực thi hành:

- Quy chế bầu cử này gồm 9 Điều, được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông có mặt dự Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.



- Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông và người liên quan đến việc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

- Trên đây là Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018- 2023 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Ban tổ chức Kính trình Đại hội./.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


ĐINH QUANG DŨNG

Nghệ An, ngày 12 tháng 3 năm 2020

QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 24/4/2018.

Công ty cổ phần Công ty Xi măng Vicem Hoàng Mai xin thông báo tới các cổ đông quy định cụ thể về ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ năm 2018-2023 như sau:

I. Ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung:

Số lượng bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị là một (01) thành viên, đảm bảo trong đó thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

2.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.



- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Điều kiện ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị (HDQT)

Cổ đông đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử hoặc được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông với tỷ lệ nắm giữ cổ phần được ứng cử hoặc đề cử cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử một (01) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;

Việc ứng cử, đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất trước 17h 00 phút ngày 16/7/2020. Hồ sơ ứng cử, đề cử phải theo mẫu và ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông ứng cử hoặc đề cử.

II. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào HDQT

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào HDQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HDQT (theo mẫu);
- Biên bản họp nhóm cổ đông đề cử ứng viên trong trường hợp gộp số quyền biểu quyết (theo mẫu)

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của ứng viên).

(có mẫu hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên tham gia bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem kèm theo Quy định này)

III. Lựa chọn các ứng cử viên

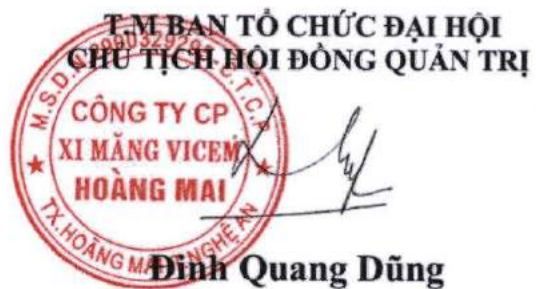
Dựa trên các Đơn ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định gửi Đại hội đồng cổ đông để bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018- 2023 tại Đại hội được tổ chức vào ngày 17/6/2020.

IV. Thời hạn và địa chỉ gửi giấy uỷ quyền và hồ sơ đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức trước 17h00 ngày 16/6/2020 theo địa chỉ sau:

- Địa chỉ: Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0238. 3 866170 ;
- Fax: 0238 3 866 648 (nếu Quý cổ đông gửi fax hồ sơ đến thì phải chuyển lại bản gốc cho Ban tổ chức đại hội khi đăng ký tham dự trước cuộc họp).

Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi về Công ty sau thời hạn này sẽ không có giá trị.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
NHIỆM KỲ 2018 –2023**

Hôm nay, ngày tháng năm 2020, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục trong thời gian hơn sáu (06) tháng tính đến ngày 02/3/2020 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội), có tên trong Danh sách dưới đây:

| TT | Họ tên cổ đông | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ thường trú | Số cổ phần sở hữu | Ký tên |
|-----|----------------|--------------|--------------------|-------------------|--------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3.. | | | | | |
| | | | Tổng cộng | | |

cùng nhất trí đề cử:

1/ Ông/ bà:

CMTND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*

2/ Ông /bà

CMTND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*

3/

Làm ứng cử viên tham gia để bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông /bà:

CMTND số: , Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc ứng cử, đề cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ năm 2018-2023 trong kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 17/6/2020.

Biên bản này được lập vào lúc giờ phút, ngày/...../2020 tại

....., ngày tháng năm 2020

NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

1. Ông/bà

2. Ông/bà

3. Ông/bà

4. Ông/bà



SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: _____ Giới tính: *Nữ/Nam*
- Ngày tháng năm sinh: _____ Nơi sinh: _____
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Giấy CMND số: _____ cấp ngày: _____ tại _____
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
- Chỗ ở hiện tại: _____
- Trình độ văn hoá: _____
- Trình độ chuyên môn: _____
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-----------|----------------|----------------------|-------------|---------|
| | | | | |
| | | | | |

- Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-----------|--------------|---------|-------------|---------|
| | | | | |
| | | | | |

- Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc | Chức vụ | Thời gian đảm nhiệm |
|--------------|---------|--|
| | | Từ...../...../..... đến/...../..... |
| | | Từ...../...../..... đến/...../..... |
| | | Từ...../...../..... đến/...../..... |

12. Quan hệ thân thân:

| Quan hệ | Họ và tên | Năm sinh | Địa chỉ thường trú | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác (nếu có) |
|------------------------|-----------|----------|--------------------|-------------|--------------------------|
| Bố | | | | | |
| Mẹ | | | | | |
| Anh/ chị/em ruột | | | | | |
| Chồng | | | | | |
| Con | | | | | |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng năm 2020

**Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc
nơi công tác**

....., ngày tháng..... năm 2020

NGƯỜI KHAI



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Kính gửi : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi là :

CMTND số : Ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ thường trú :

Trình độ học vấn : Chuyên ngành :

Hiện đang sở hữu : cổ phần (*Bằng chữ* :

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : đồng.

liên tục 06 tháng tính đến ngày 02/3/2020 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội)

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Trân trọng cảm ơn !

....., ngày ... tháng .. . năm 2020

CỔ ĐÔNG

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc ứng cử tới:

Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3 866170 Fax: (0238) 3866 648

Thời gian: trước 17 giờ 00 phút, ngày 16/6/2020.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Kính gửi : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi/chúng tôi là :

CMTND số : Ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ thường trú :

Hiện đang sở hữu : cổ phần (*Bằng chữ* :
.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : đồng

liên tục 06 tháng tính đến ngày 02/03/2020 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội)

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi/chúng tôi được đề cử :

Ông (Bà) :

CMTND số : Ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ thường trú :

Trình độ học vấn : Chuyên ngành :

Hiện đang sở hữu : cổ phần (*Bằng chữ* :
.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : đồng

Làm ứng cử viên tham gia bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Trân trọng cảm ơn !

....., ngày ... tháng ... năm 2020

CỔ ĐÔNG

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc đề cử tới:

Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3 866170 Fax: (0238) 3866 648

Thời gian: trước 17 giờ 00 phút, ngày 16/6/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Điện thoại: 02383.866.170 - Fax: 02383.866.648

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

(Được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên năm 2020,
ngày 17 tháng 6 năm 2020)

Nghệ An, tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... | 5 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ..... | 5 |
| CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 6 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty | 6 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 7 |
| CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 8 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty | 8 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 9 |
| Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP..... | 9 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập..... | 9 |
| Điều 7. Chứng nhận Cổ phiếu..... | 9 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác | 10 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần..... | 10 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần..... | 10 |
| Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT..... | 11 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty | 11 |
| Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 11 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông | 11 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông..... | 12 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông | 13 |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông | 14 |
| Điều 16. Đại diện theo ủy quyền..... | 16 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền | 16 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông | 17 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | 18 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... | 19 |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông | 21 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 21 |
| Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 23 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông | 24 |
| Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 25 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị | 25 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 27 |
| Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 29 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 33 |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty | 33 |
| Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ | 34 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý | 34 |
| Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp | 35 |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc | 35 |
| Chương IX. BAN KIỂM SOÁT | 36 |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên | 36 |
| Điều 37. Kiểm soát viên | 37 |
| Điều 38. Ban kiểm soát | 38 |
| CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 39 |
| Điều 39. Trách nhiệm cân trọng | 39 |
| Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 39 |
| Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường | 40 |
| CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 41 |
| Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ | 41 |
| CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN | 41 |
| Điều 43. Công nhân viên và công đoàn | 41 |
| CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN | 42 |
| Điều 44. Phân phối lợi nhuận | 42 |
| CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN | 42 |
| Điều 45. Tài khoản ngân hàng | 42 |
| Điều 46. Năm tài chính | 43 |
| Điều 47. Chế độ kế toán | 43 |
| CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 43 |
| Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý | 43 |
| Điều 49. Báo cáo thường niên | 44 |
| CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY | 44 |
| Điều 50. Kiểm toán | 44 |
| CHƯƠNG XVII. CON DẤU | 44 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 51. Con dấu | 44 |
| CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ..... | 45 |
| Điều 52. Chấm dứt hoạt động | 45 |
| Điều 53. Gia hạn hoạt động | 45 |
| Điều 54. Thanh lý..... | 45 |
| CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ..... | 46 |
| Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ | 46 |
| CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ..... | 46 |
| Điều 56. Điều lệ công ty | 46 |
| CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC | 46 |
| Điều 57. Ngày hiệu lực | 46 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2018 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành bản Điều lệ này với các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ****Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc;
 - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán);

j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

l. "Công ty" là Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

m. "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty" là Quy chế được xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;

n. "Quy chế nội bộ" là các Quy chế nội bộ khác với Quy chế được nêu tại điểm m Điều này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ tiếng Việt: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai

- Tên tiếng Anh: VICEM HOANG MAI CEMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: HOMAC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh

Nghệ An

- Điện thoại: (84-238) 3866170;

Fax: (84-238) 3866648.

- Website: sales@ximanghoangmai.com.vn

- Email: www.ximanghoangmai.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện tại, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

a. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Tiêu thụ

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: (84-238) 3.664222; Fax: (84- 238)3.63661776.

b. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Xí nghiệp Bê tông & Xây dựng.

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

c. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai – Ban Đầu tư Xây dựng.

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

d. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Khai thác mỏ.

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

e. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Dịch vụ Công nghiệp.

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

5. Trong trường hợp có thay đổi thông tin được quy định Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 2, Điều lệ này coi như tự động cập nhật.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

| TT | Ngành nghề kinh doanh | Mã ngành |
|----|---|-----------------|
| 1 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng, clinke | 2394 (Chính) |
| 2 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 3 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 4 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 5 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 |
| 6 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 7 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 8 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải pha sông biển | 5022 |
| 9 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 10 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán xi măng, clinke, vật liệu xây dựng | 4663 |
| 11 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng | 3290 |
| 12 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị phụ tùng, vật tư công nghiệp | 4659 |
| 13 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình công nghiệp, thủy lợi | 4390 |
| 14 | Hoạt động của các cơ sở thể thao | 9311 |
| 15 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7920 |
| 16 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 17 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Khảo sát thăm dò phục vụ khai thác, chế biến đá xây dựng | 0990 |
| 18 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu | 2399 |
| 19 | Thu gom, xử lý rác thải thông thường, rác thải và chất thải nguy hại | 3700 |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có lãi; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 72.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức

phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là mười (10) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải

ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh bằng lãi suất tiền gửi của cá nhân kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông,
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát,
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyên nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ

đồng nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và

Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười ngày (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy

ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên

Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Bổ nhiệm và miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng;
- e. Thông qua chủ trương để Tổng Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương;
- f. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- g. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- j. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở lên đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
 - n. Công bố danh mục và ban hành các Quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - p. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - q. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - r. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - s. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - t. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch.

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc

bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có

lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng giám đốc, không quá bốn (04) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

3. Công ty phải bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 06 (sáu) tháng, sau thời gian này Công ty phải bổ nhiệm người làm Kế toán trưởng.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

f. Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;

g. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;

i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện);

j. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

k. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;

l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã

được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã

hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngày sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhất trí thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020

tại Văn phòng Công ty – Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

Các thành viên HĐQT ký tên dưới đây:

CHỦ TỊCH HĐQT



Đình Quang Dũng

ỦY VIÊN HĐQT

Nguyễn Quốc Việt

ỦY VIÊN HĐQT

Đặng Thị Nga

ỦY VIÊN HĐQT

Lê Trung Kiên

ỦY VIÊN HĐQT

Trần Đức Danh